

Số: 39 /TLT - HĐQT

Phủ Thọ, ngày 11 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Phương án sáp nhập)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (“Luật Doanh nghiệp”);

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (“Luật Chứng Khoán”);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định số 155/2020/NĐ-CP”);

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ chủ trương tái cơ cấu các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Viglacera – CTCP (công ty mẹ), căn cứ định hướng chiến lược phát triển của Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long (“Công ty” hoặc “TLT”);

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn (“VIT”);

Căn cứ Nghị quyết số 170/TCT-HĐQT ngày 02/07/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc phê duyệt Phương án triển khai nhiệm vụ “Đổi mới và tinh gọn cách thức tổ chức hoạt động” thuộc định hướng Chiến lược phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn mới.

Căn cứ Nghị quyết số 214/TCT-HĐQT ngày 27/8/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera - CTCP về việc Phê duyệt phương án chi tiết “Đổi mới và tinh gọn cách thức tổ chức hoạt động của mảng Gạch ốp lát” để triển khai nhiệm vụ thuộc định hướng Chiến lược phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn mới.

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét và thông qua Phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long (“TLT”) vào Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn (“VIT”), chi tiết như sau:

I. PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA THĂNG LONG VÀO CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA TIÊN SƠN

1. Mục đích sáp nhập:

- Đổi mới và tinh gọn cách thức tổ chức hoạt động của nhóm Gạch Ốp lát thuộc Tổng Công ty Viglacera – CTCP (công ty mẹ).
- Hợp nhất các đơn vị sản xuất gạch/vật liệu xây dựng cùng ngành về một đầu mối niêm yết (VIT) để: (i) Tối ưu chi phí quản trị, (ii) Tăng quy mô vốn hóa & thanh khoản cổ phiếu, (iii) Chuẩn hóa quản trị rủi ro, IFRS/ERP, (iv) Tăng khả năng huy



động vốn trung-dài hạn.

- Đơn giản hóa cấu trúc sở hữu trong hệ sinh thái Viglacera, nâng cao hiệu quả của công tác kiểm soát và giám sát hoạt động.
- Khai thác hiệu quả cộng hưởng thông qua hợp nhất kênh bán hàng, R&D, mua hàng tập trung, tối ưu công suất nhà máy, chia sẻ hệ thống logistics và tận dụng sức mạnh thương hiệu.

Trong cùng khuôn khổ tái cấu trúc, Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội (“VIH”) cũng sẽ thực hiện thủ tục sáp nhập vào VIT theo một tờ trình riêng của HĐQT VIH. Tờ trình này chỉ tập trung trình bày phương án sáp nhập của Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long (“TLT”) vào VIT.

2. Phương án sáp nhập chi tiết:

2.1. Công ty nhận sáp nhập

- Tên tổ chức nhận sáp nhập: Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn
- Giấy Chứng nhận ĐKDN: Số 2300317851 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 01/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 27/10/2025
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Tiên Sơn, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh các loại gạch ốp lát Granite các loại
- Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng Mã cổ phiếu: VIT
- Sàn giao dịch: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
- Tỷ lệ sở hữu của VIT tại Công ty bị sáp nhập (TLT): 0%.

2.2. Công ty bị sáp nhập

- Tên tổ chức bị sáp nhập: Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long
- Giấy Chứng nhận ĐKDN: Số 2500224026 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 29/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 20/09/2024
- Địa chỉ: Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh các loại gạch ốp lát, ngói
- Vốn điều lệ: 69.898.000.000 đồng
- Mã cổ phiếu: TLT
- Sàn giao dịch: UpCom

3. Phương thức sáp nhập

VIT phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ số cổ phiếu TLT đang lưu hành.

- Tỷ lệ hoán đổi: Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 001/2025/751/VVFC-BAN3 ngày 10/09/2025 và Chứng thư thẩm định giá số 001/2025/750/VVFC-BAN3 ngày 10/09/2025 do Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam VVFC thực hiện, tỷ lệ hoán đổi được xác định cụ thể như sau:
 - + Tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu TLT sang cổ phiếu VIT: 1 : 1,40 (Có nghĩa là cứ 01 cổ phiếu TLT sẽ được hoán đổi thành 1,40 cổ phiếu VIT).
- Vốn điều lệ của VIT sau sáp nhập tăng tương ứng với số lượng cổ phiếu phát hành thêm.

Tại ngày chốt danh sách cổ đông TLT để thực hiện quyền nhận cổ phiếu VIT, cổ phiếu TLT sẽ được hoán đổi toàn bộ để chuyển đổi thành cổ phiếu VIT. Cổ phiếu TLT sẽ bị hủy đăng ký

giao dịch tại sàn UpCom và bị hủy đăng ký chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật.

4. Chuyển giao quyền và nghĩa vụ sau khi sáp nhập

Sau khi hoàn tất các thủ tục hoán đổi để sáp nhập, TLT chấm dứt tồn tại pháp lý, VIT sẽ được kế thừa toàn bộ tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của TLT (bao gồm nhưng không giới hạn các quyền kinh doanh, quyền tài sản, các khoản phải thu, phải trả, các quyền và nghĩa vụ theo các hợp đồng giao dịch mà TLT ký kết với bất kỳ bên thứ ba nào, v.v.....) theo giá trị sổ sách của TLT.

Các nội dung khác liên quan đến việc sáp nhập được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên tại Hợp đồng sáp nhập.

5. Mô hình tổ chức của VIT sau sáp nhập

Mô hình tổ chức của VIT sau sáp nhập đính kèm Tờ trình.

6. Một số nội dung khác liên quan đến việc sáp nhập

Đại hội đồng cổ đông chấp thuận miễn thủ tục chào mua công khai trong quá trình thực hiện giao dịch sáp nhập trong trường hợp các quy định của pháp luật liên quan có yêu cầu.

Các nội dung khác liên quan đến việc sáp nhập giữa VIT và TLT được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên tại Hợp đồng sáp nhập.

II. THÔNG QUA DỰ THẢO HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua dự thảo Hợp đồng sáp nhập giữa VIT và TLT, đồng thời giao cho người đại diện theo pháp luật của các bên tham gia Hợp đồng sáp nhập hoàn thiện, ký kết và tổ chức thực hiện Hợp đồng sáp nhập theo đúng các quy định của pháp luật. Hợp đồng sáp nhập được ký kết là một phần trong bộ hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý có liên quan trong quá trình triển khai việc sáp nhập.

Hợp đồng sáp nhập sau khi được hoàn thiện, ký kết giữa các bên sẽ được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được ký kết.

(Dự thảo Hợp đồng sáp nhập đính kèm Tờ trình)

III. THÔNG QUA DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY SAU SÁP NHẬP

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua dự thảo Điều lệ của Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn (VIT) sau sáp nhập (gọi tắt là Công ty sau sáp nhập). Điều lệ mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày VIT hoàn thành các thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp sau khi hoàn tất các thủ tục hoán đổi cổ phiếu để sáp nhập. Điều lệ mới sẽ thay thế Điều lệ hiện hành của VIT sau khi VIT hoàn tất thay đổi đăng ký doanh nghiệp.

(Dự thảo Điều lệ Công ty sau sáp nhập đính kèm Tờ trình)

IV. CÁC NỘI DUNG ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THỰC HIỆN:

Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long quyết định tất cả các vấn đề liên quan việc sáp nhập TLT vào VIT, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

1. Quyết định thời điểm sáp nhập; thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết bao gồm các việc chỉnh sửa, bổ sung tài liệu phát hành để triển khai và hoàn tất việc sáp nhập theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan;
2. Thực hiện các biện pháp, xây dựng phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỉ lệ sở hữu nước ngoài khi thực hiện sáp nhập TLT vào VIT;
3. Quyết định sửa đổi, bổ sung tài liệu liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi và các tài liệu sáp nhập khác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và/hoặc các Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khác, tuân thủ theo các quy định của pháp luật có liên quan (nếu có), nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, Công ty, và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về sự thay đổi trên tại kỳ họp gần nhất;
4. Tổ chức việc hoàn thiện và triển khai việc ký kết Hợp đồng sáp nhập;
5. Phê duyệt các hợp đồng, hồ sơ và các tài liệu khác liên quan đến việc sáp nhập;
6. Thực hiện các thủ tục cần thiết với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật liên quan đến việc sáp nhập;
7. Phối hợp với VIT trong quá trình thực hiện việc sáp nhập theo các quy định của pháp luật;
8. Thực hiện các thủ tục giải thể doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
9. Thực hiện các thủ tục hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán và hủy đăng ký chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
10. Tất cả các công việc khác có liên quan để hoàn tất việc sáp nhập theo các quy định của pháp luật.
11. Tùy vào từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền/ giao cho Giám đốc thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đoàn Hải Mậu

C. P. * C. M.

Số: 40 /TLT - HĐQT

Phủ Thọ, ngày 11 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Phương án hoán đổi cổ phiếu để sáp nhập vào Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn theo Hợp đồng sáp nhập)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (“Luật Doanh nghiệp”);

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (“Luật Chứng Khoán”);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định số 155/2020/NĐ-CP”);

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long (“Công ty” hoặc “TLT”);

Căn cứ Nghị quyết số 170/TCT-HĐQT ngày 02/07/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc phê duyệt Phương án triển khai nhiệm vụ “Đổi mới và tinh gọn cách thức tổ chức hoạt động” thuộc định hướng Chiến lược phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 214/TCT-HĐQT ngày 27/8/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera - CTCP về việc Phê duyệt phương án chi tiết “Đổi mới và tinh gọn cách thức tổ chức hoạt động của mảng Gạch ốp lát” để triển khai nhiệm vụ thuộc định hướng Chiến lược phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn mới;

Căn cứ chủ trương tái cơ cấu các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Viglacera – CTCP (công ty mẹ), Hội đồng quản trị (“HĐQT”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét và thông qua Phương án hoán đổi cổ phiếu để Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long (“TLT”) sáp nhập vào Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn (“VIT”) theo Hợp đồng sáp nhập, chi tiết như sau:

I. MỤC ĐÍCH HOÁN ĐỔI CỔ PHIẾU

Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn phát hành cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long (“TLT”) và Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội (“VIH”) theo Hợp đồng sáp nhập giữa VIT với TLT và VIH theo chủ trương tái cơ cấu các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Viglacera – CTCP (công ty mẹ).

Trong cùng khuôn khổ tái cấu trúc này, VIH cũng thực hiện thủ tục sáp nhập vào VIT theo tờ trình riêng.



II. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐỀ HOÁN ĐỔI

1. Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn
2. Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Tiên Sơn, Xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh
3. Điện thoại: (0222) 839390 Fax: (0222) 838917
Website: www.viglacerationson.com
4. Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng
5. Mã cổ phiếu: VIT
6. Sàn giao dịch: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 2300317851 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 01/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 27/10/2025.
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất sản phẩm chịu lửa. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gạch ốp lát Granite, Ceramic và các loại vật liệu xây dựng khác Mã ngành: 2391.
 - Sản phẩm/dịch vụ chính: Sản xuất kinh doanh các loại gạch ốp lát Granite các loại.

III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÓ CỔ PHẦN ĐƯỢC HOÁN ĐỔI

1. Tên tổ chức có cổ phần được hoán đổi: Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long
2. Địa chỉ trụ sở chính: Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ
3. Điện thoại: (0435) 811900 Fax: (0435) 811349
Website: www.viglacerahanglong.com.vn
4. Vốn điều lệ: 69.898.000.000 đồng
5. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 6.989.800 cổ phiếu
trong đó:
 - Cổ phiếu đang lưu hành: 6.989.800 cổ phiếu
 - Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
6. Mã cổ phiếu: TLT
7. Sàn giao dịch: UpCom
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 2500224026 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 29/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 20/09/2024.
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất và mua bán các sản phẩm gạch Ceramic và các loại vật liệu xây dựng Mã ngành: 2392.
 - Sản phẩm/dịch vụ chính: Sản xuất kinh doanh các loại gạch ốp lát, ngói.
9. Mối quan hệ với Tổ chức phát hành: Cùng Công ty mẹ (Tổng Công ty Viglacera – CTCP).

IV. PHƯƠNG ÁN HOÁN ĐỔI CỔ PHIẾU TLT ĐỂ SÁP NHẬP VÀO VIT

- Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn
- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã cổ phiếu: VIT
- Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông
- Vốn điều lệ của VIT trước khi phát hành: 500.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu VIT đã phát hành: 50.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ của VIT: 336 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu VIT đang lưu hành: 49.999.664 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu VIT dự kiến phát hành: **18.801.720 cổ phiếu**, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành cho cổ đông của TLT: 9.785.720 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu VIT dự kiến phát hành theo mệnh giá: **188.017.200.000 đồng**, trong đó:
 - Giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành cho cổ đông của TLT: 97.857.200.000 đồng
- Vốn điều lệ của VIT dự kiến sau khi phát hành: 688.017.200.000 đồng (bao gồm cả phần phát hành để hoán đổi cổ phiếu VIH theo tờ trình riêng)
- Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đã phát hành): 37,60%
- Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu VIT để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của TLT.
- Đối tượng phát hành để hoán đổi: Tất cả cổ đông của TLT theo Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam để thực hiện quyền hoán đổi cổ phiếu với cổ phiếu VIT.
- Phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi:
 - Công thức tính tỷ lệ hoán đổi cho cổ đông TLT như sau:
 - Tỷ lệ hoán đổi = Giá trị mỗi cổ phiếu TLT / Giá trị mỗi cổ phiếu VIT
 - Phương pháp xác định tỷ lệ hoán đổi:

Tỷ lệ hoán đổi:

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 001/2025/751/VVFC-BAN3 ngày 10/09/2025 và Chứng thư thẩm định giá số 001/2025/750/VVFC-BAN3 ngày 10/09/2025 do Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam VVFC thực hiện, tỷ lệ hoán đổi được xác định cụ thể như sau:

Tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu TLT sang cổ phiếu VIT: 1 : 1,40 (Có nghĩa là cứ 01 cổ phiếu TLT sẽ được hoán đổi thành 1,40 cổ phiếu VIT).

- Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ (dự kiến): Số cổ phiếu VIT mà mỗi cổ đông TLT nhận được khi hoán đổi sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ được hủy bỏ.

Ví dụ:

- Cổ đông A sở hữu 9 cổ phiếu TLT thì cổ đông A sẽ được nhận: $9 \times 1,40 = 12,6$ cổ phiếu VIT. Theo nguyên tắc làm tròn, cổ đông A sẽ được nhận 12 cổ phiếu VIT, phần lẻ 0,6 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.
- Xử lý cổ phiếu lẻ, phần lẻ cổ phần: (i) Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị khi thực hiện hoán đổi; (ii) Số cổ phiếu chênh lệch giữa số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành và số lượng cổ phiếu thực tế đã phát hành để hoán đổi. Toàn bộ số cổ phiếu lẻ, phần lẻ cổ phần này sẽ được hủy bỏ và HĐQT VIT ra quyết định kết thúc đợt phát hành.
- Tại ngày chốt danh sách cổ đông TLT để thực hiện quyền nhận cổ phiếu VIT, cổ phiếu TLT sẽ được hoán đổi toàn bộ để chuyển đổi thành cổ phiếu VIT.
- Điều kiện chuyển nhượng: Cổ phiếu VIT phát hành để thực hiện hoán đổi với cổ phiếu TLT được tự do chuyển nhượng.
- Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty thông qua phương án đảm bảo việc hoán đổi cổ phiếu theo phương án đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- VIT cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc thực hiện đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi với cổ phiếu TLT.
VIT cam kết tuân thủ các quy định và thủ tục về việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi với cổ phiếu TLT theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định của Luật cạnh tranh.
Sau hoán đổi, Điều lệ VIT sẽ được sửa đổi phù hợp với quy mô mới và đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.
- Thời gian thực hiện: Dự kiến trong Quý IV 2025 – Quý I năm 2026 do HĐQT Công ty quyết định sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi.

V. HỦY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU VÀ HỦY ĐĂNG KÝ CHỨNG KHOÁN KHI SÁP NHẬP

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu TLT trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu TLT và hủy đăng ký chứng khoán đối với toàn bộ cổ phiếu TLT tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam để thực hiện việc sáp nhập TLT vào VIT, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật.

VI. CÁC NỘI DUNG ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THỰC HIỆN:

Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến phương án hoán đổi cổ phiếu để Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long sáp nhập vào Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

1. Phối hợp với VIT trong quá trình thực hiện việc hoán đổi cổ phiếu theo các quy định của pháp luật;
2. Quyết định thời điểm hoán đổi cổ phiếu cụ thể và thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc triển khai phương án hoán đổi cổ phiếu theo đúng quy định của Điều lệ Công

ty và pháp luật hiện hành, đảm bảo lợi ích của cổ đông;

3. Thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu chi tiết, bao gồm việc bổ sung, hoàn chỉnh nội dung phương án hoán đổi cổ phiếu và/hoặc sửa đổi phương án hoán đổi cổ phiếu khi cần thiết để đảm bảo việc hoán đổi cổ phiếu thành công hoặc khi có ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty (nếu có);
4. Thông qua phương án đảm bảo việc hoán đổi cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
5. Phê duyệt các hợp đồng, hồ sơ và các tài liệu khác liên quan đến việc hoán đổi cổ phiếu;
6. Thực hiện các thủ tục và công việc cần thiết để hủy đăng ký chứng khoán đối với cổ phiếu TLT tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu TLT tại Sở Giao dịch Chứng khoán để thực hiện sáp nhập theo quy định của pháp luật;
7. Thực hiện các thủ tục và công việc cần thiết để giải thể Công ty sau khi sáp nhập thành công;
8. Thực hiện các thủ tục cần thiết với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật liên quan đến việc sáp nhập và hoán đổi cổ phiếu;
9. Tất cả các công việc khác có liên quan để hoàn tất việc hoán đổi cổ phiếu TLT theo hợp đồng sáp nhập với VIT;
10. Tùy vào từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền/ giao cho Giám đốc thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đoàn Hải Mậu

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Phương án hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn sau khi nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long và Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (“Luật Doanh nghiệp”);

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (“Luật Chứng Khoán”);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định số 155/2020/NĐ-CP”);

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Căn cứ Nghị quyết số 170/TCT-HĐQT ngày 02/07/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc phê duyệt Phương án triển khai nhiệm vụ “Đổi mới và tinh gọn cách thức tổ chức hoạt động” thuộc định hướng Chiến lược phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn mới.

Căn cứ Nghị quyết số 214/TCT-HĐQT ngày 27/8/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera - CTCP về việc Phê duyệt phương án chi tiết “Đổi mới và tinh gọn cách thức tổ chức hoạt động của mảng Gạch ốp lát” để triển khai nhiệm vụ thuộc định hướng Chiến lược phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn mới;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long (“Công ty” hoặc “TLT”);

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long kính trình Đại Hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét và thông qua Phương án hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn sau khi nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long (“TLT”) và Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội (“VIH”) với các nội dung sau:

I. Định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn sau sáp nhập.

Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn sau sáp nhập có quy mô vốn điều lệ lớn, quản trị hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh trong và ngoài nước, chuẩn bị sẵn sàng cho giai đoạn tăng trưởng mới

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn sau sáp nhập.

Dự kiến việc sáp nhập Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long và Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội vào Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn sẽ được triển khai trong Quý IV/2025 – Quý I/2026.

Từ 01/01/2026, Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn bao tiêu sản phẩm của Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long, Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội, Công ty cổ phần Bê tông khí Viglacera, thực hiện trên cơ sở chuyển toàn bộ nhân sự của Công ty cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera sang Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn.

Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn kế thừa toàn bộ thương hiệu và các dòng sản phẩm của Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long, Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội, Công ty cổ phần Bê tông khí Viglacera.

Kế hoạch kinh doanh của Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn sau sáp nhập trong năm 2026 dự kiến như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025 (*) (trước sáp nhập)	Năm 2026 (sau sáp nhập)
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	657.936	4.600.041
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	22.000	160.000
3	Tỷ lệ cổ tức	%	≥ 12%	≥ 12%

Ghi chú: (*) Năm 2025: Kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long năm 2025 thông qua ngày 20/03/2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

Đại hội đồng cổ đông
HDQT Công ty
BKS Công ty
Ban giám đốc Công ty
Lưu VT, HDQT

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐOÀN HẢI MẬU

Số: 42/TLT - HĐQT

Phủ Thọ, ngày 11 tháng 11 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Phương án bao tiêu sản phẩm)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 ("Luật Doanh nghiệp");

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long;

Căn cứ Quy chế quản lý người đại diện của Tổng công ty tại Doanh nghiệp khác ban hành kèm theo quyết định số 218/TCT-HĐQT ngày 20/07/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 170/TCT-HĐQT ngày 02/07/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc phê duyệt Phương án triển khai nhiệm vụ "Đổi mới và tinh gọn cách thức tổ chức hoạt động" thuộc định hướng Chiến lược phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 214/TCT-HĐQT ngày 27/8/2025 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera - CTCP về việc Phê duyệt phương án chi tiết "Đổi mới và tinh gọn cách thức tổ chức hoạt động của mảng Gạch ốp lát" để triển khai nhiệm vụ thuộc định hướng Chiến lược phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn mới.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long ("HĐQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") xem xét và thông qua việc Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long từ ngày 01/01/2026, đảm bảo tuân thủ theo các quy định tại Luật Doanh Nghiệp, chi tiết như sau:

I. Sự cần thiết

- Để đảm bảo ổn định sản xuất, tiêu thụ và phát huy tối đa hiệu quả, Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn (VIT) xây dựng phương án bao tiêu sản phẩm của Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long (TLT).
- Hợp nhất thương hiệu, mở rộng thị phần;
- Đảm bảo lợi ích hài hòa cho cổ đông.

II. Nội dung phương án:

1. Phạm vi bao tiêu: Các sản phẩm do TLT sản xuất.
2. Thời điểm bắt đầu: Từ 01/01/2026.

III. Tổ chức thực hiện

- Giao HĐQT và Ban Giám đốc Công ty TLT quyết định nội dung hợp đồng và triển khai ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm với VIT.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đoàn Hải Mận

Số 03/TLT-ĐHCB

Phủ Thọ, ngày 11 tháng 11 năm 2025

BIÊN BẢN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA THĂNG LONG

- Tên công ty: Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long.
- Trụ sở: Phường Phúc Yên – Tỉnh Phú Thọ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500224026 đăng ký lần đầu ngày 29/01/2004, thay đổi lần thứ 15 ngày 20/09/2024.

Hôm nay, vào lúc 08h00 phút ngày 11/11/2025 tại trụ sở Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 (Đại hội) của Công ty đã được tổ chức.

I. PHẦN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI.

1. Thông qua thành phần Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu.

Đại diện Ban tổ chức giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu của Đại hội. Đại hội đã biểu quyết tán thành với tỷ lệ 100% về thành phần Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu theo chức danh như sau:

1.1 Đoàn chủ tịch:

- | | |
|----------------------|--------------------------|
| - Ông Đoàn Hải Mậu | Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa |
| - Ông Lê Tiến Dũng | Ủy viên HĐQT, Thành viên |
| - Ông Đinh Quang Huy | Ủy viên HĐQT, Thành viên |

1.2 Ban thư ký:

- Ông Nguyễn Quang Long

1.3 Ban kiểm phiếu:

- Bà Nguyễn Thị Hiền – Trưởng ban
- Ông Vũ Phi Lâm – Thành viên
- Ông Ngô Quang Huy – Thành viên

2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự, khai mạc Đại hội.

Bà Nguyễn Thị Hiền - Đại diện Ban tổ chức báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự:

- Tổng số cổ đông mời tham dự Đại hội là 364 cổ đông, tương ứng 6.989.800 cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số cổ đông và người được ủy quyền có mặt tại Đại hội là 15 người sở hữu 6.399.815 cổ phần, chiếm 91,56 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ Khoản 1 điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty, Đại hội đã đủ điều kiện tiến hành.

II. PHÂN NỘI DUNG ĐẠI HỘI.

1. Thông qua Quy chế làm việc và Chương trình làm việc tại Đại hội.

Bà Nguyễn Thị Hiền thay mặt Ban tổ chức đọc Quy chế làm việc của Đại hội và đã được Đại hội thông qua với 100% biểu quyết tán thành.

Ông Đoàn Hải Mậu trình bày Chương trình làm việc tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 và đã được Đại hội thông qua với 100% biểu quyết tán thành. Chương trình làm việc của Đại hội gồm các nội dung sau:

- Báo cáo tổng thể các nội dung liên quan đến sáp nhập.
- Tờ trình HĐQT về các nội dung đề nghị tại ĐHCĐ.
- Biểu quyết các nội dung thông qua tại Đại hội.
- Thảo luận, trả lời các thắc mắc của cổ đông về sáp nhập.
- Kiểm phiếu.
- Báo cáo kết quả kiểm phiếu.
- Thông qua Biên bản, Nghị quyết đại hội.
- Bế mạc Đại hội.

2. Báo cáo tổng thể các nội dung liên quan đến sáp nhập.

Ông Đoàn Hải Mậu báo cáo tổng thể các nội dung liên quan đến sáp nhập.

3. Trình bày nội dung các Tờ trình.

Ông Đoàn Hải Mậu trình bày các Tờ trình gồm:

- Tờ trình phương án sáp nhập Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long vào Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (Chi tiết theo Tờ trình đính kèm).
- Tờ trình phương án hoán đổi cổ phiếu để sáp nhập Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long vào Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn theo Hợp đồng sáp nhập (Chi tiết theo Tờ trình đính kèm).
- Tờ trình phương án hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (VIT) sau sáp nhập (Chi tiết theo Tờ trình đính kèm).
- Tờ trình về việc Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (VIT) ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm với Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long (TLT) từ ngày 01/01/2026, đảm bảo tuân thủ theo các quy định tại Luật Doanh Nghiệp (Chi tiết theo Tờ trình đính kèm).

4. Biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội tiến hành biểu quyết từng nội dung đã được trình bày tại Đại hội.

5. Phần thảo luận.

Ý kiến của Cổ đông: Đại hội đã nghe các ý kiến phát biểu của các cổ đông tham dự.

6. Báo cáo kết quả kiểm phiếu.

Bà Nguyễn Thị Hiền – Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết.

Tổng số phiếu phát ra là: 15 phiếu, tương đương 6.399.815 cổ phần.
Tổng số phiếu thu về là: 15 phiếu, tương đương 6.399.815 cổ phần.

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết từng nội dung cụ thể như sau:

Nội dung 1: Thông qua Tờ trình phương án sáp nhập Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long (TLT) vào Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (VIT):

Phân biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 6.399.815 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội (căn cứ cụ thể được trình bày trong báo cáo tổng hợp kết quả kiểm phiếu).
Trong đó:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 6.399.815 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Nội dung 2: Thông qua Tờ trình phương án hoán đổi cổ phiếu để sáp nhập Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long (TLT) vào Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (VIT) theo Hợp đồng sáp nhập:

Phân biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 6.399.815 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội (căn cứ cụ thể được trình bày trong báo cáo tổng hợp kết quả kiểm phiếu)
Trong đó:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 6.399.815 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội

Nội dung 3: Thông qua Tờ trình phương án hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (VIT) sau sáp nhập:

Phân biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 6.399.815 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội (căn cứ cụ thể được trình bày trong báo cáo tổng hợp kết quả kiểm phiếu)
Trong đó:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 6.399.815 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội

Nội dung 4: Thông qua việc Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (VIT) ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm với Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long (TLT) từ ngày 01/01/2026, đảm bảo tuân thủ theo các quy định tại Luật Doanh Nghiệp:

Phần biểu quyết:

Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 2.615.015 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội (căn cứ cụ thể được trình bày trong báo cáo tổng hợp kết quả kiểm phiếu)

Trong đó:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 2.615.015 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100%
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%

Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%
tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội

Các vấn đề đã được Đại hội thông qua:

STT	Vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua	Tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua
1	Thông qua Tờ trình phương án sáp nhập Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long (TLT) vào Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (VIT)	100%
2	Thông qua Tờ trình phương án hoán đổi cổ phiếu để sáp nhập Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long (TLT) vào Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (VIT) theo Hợp đồng sáp nhập	100%
3	Thông qua Tờ trình phương án hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (VIT) sau sáp nhập	100%
4	Thông qua việc Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (VIT) ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm với Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long (TLT) từ ngày 01/01/2026, đảm bảo tuân thủ theo các quy định tại Luật Doanh Nghiệp	100%

Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn các báo cáo trình trước đại hội và giao cho HĐQT, Ban kiểm soát, triển khai thực hiện các nội dung trong nghị quyết và báo cáo kết quả cho Đại hội đồng cổ đông vào kỳ họp lần sau.

III. PHẢN TỎNG KẾT ĐẠI HỘI

Ông Nguyễn Quang Long - thư ký đại hội trình bày Biên bản họp Đại hội và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025.

Ông Đoàn Hải Mậu – Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến cổ đông thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 với tỷ lệ biểu quyết 100% phiếu tán thành.

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA THĂNG LONG

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long.
- Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long tổ chức ngày 11/11/2025.

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long được tổ chức tại trụ sở Công ty; Địa chỉ: Phường Phúc Yên – Tỉnh Phú Thọ vào ngày 11 tháng 11 năm 2025.

Tham dự đại hội có 15 cổ đông sở hữu 6.399.815 cổ phần và chiếm tỷ lệ 91,56% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

ĐẠI HỘI QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Tờ trình phương án sáp nhập Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long (TLT) vào Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (VIT) (Đính kèm tờ trình số 39/TLT-HĐQT ngày 11/11/2025)

Điều 2. Thông qua Tờ trình phương án hoán đổi cổ phiếu để Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long (TLT) sáp nhập vào Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (VIT) theo Hợp đồng sáp nhập (Đính kèm tờ trình số 40/TLT-HĐQT ngày 11/11/2025)

Điều 3. Thông qua Tờ trình phương án hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (VIT) sau sáp nhập (Đính kèm tờ trình số 41/TLT-HĐQT ngày 11/11/2025)

Điều 4. Thông qua việc Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (VIT) ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm với Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long (TLT) từ ngày 01/01/2026, đảm bảo tuân thủ theo các quy định tại Luật Doanh Nghiệp (Đính kèm tờ trình số 42/TLT-HĐQT ngày 11/11/2025)

Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn các báo cáo trình trước đại hội và giao cho HĐQT, Ban kiểm soát triển khai thực hiện các nội dung đã được nghị quyết trên đây và báo cáo kết quả vào Đại hội đồng cổ đông kỳ họp lần sau

Nơi nhận:

Ủy ban CKNN; Sở GD chứng khoán Hà Nội
Đại hội đồng cổ đông
HĐQT Công ty
BKS Công ty
Giám đốc Công ty
Các phòng ban.

T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
VIGLACERA
THĂNG LONG
ĐOÀN HAI MẠU



BÁO CÁO
TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025

Kính thưa: Quý vị Đại biểu

Kính thưa các quý vị Cổ đông.

Thay mặt Ban kiểm phiếu, Tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 - Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long, kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội như sau:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội: 6.399.815 cổ phần.

Tổng số cổ phần đã thực hiện biểu quyết: 6.399.815 cổ phần.

1. Thông qua Tờ trình phương án sáp nhập Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long (TLT) vào Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (VIT):

Căn cứ vào các quy định sau:

+ Điểm a khoản 2 Điều 55 Nghị định 155/2020/NĐ-CP: Phiếu biểu quyết của cổ đông, thành viên có lợi ích liên quan được tính là phiếu hợp lệ.

+ Điều 3 của Luật Chứng khoán: Các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực chứng khoán, tổ chức thị trường chứng khoán, quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Điều 3 của Luật Doanh nghiệp: Trường hợp luật khác có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của luật đó.

Do đó, tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 15 phiếu tương ứng 6.399.815 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Trong đó:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 6.399.815 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.



2. Thông qua Tờ trình phương án hoán đổi cổ phiếu để sáp nhập Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long (TLT) vào Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (VIT) theo Hợp đồng sáp nhập:

Căn cứ vào các quy định sau:

+ Điểm a khoản 2 Điều 55 Nghị định 155/2020/NĐ-CP: Phiếu biểu quyết của cổ đông, thành viên có lợi ích liên quan được tính là phiếu hợp lệ.

+ Điều 3 của Luật Chứng khoán: Các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực chứng khoán, tổ chức thị trường chứng khoán, quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Điều 3 của Luật Doanh nghiệp: Trường hợp luật khác có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của luật đó.

Do đó, tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 15 phiếu tương ứng 6.399.815 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Trong đó:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 6.399.815 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

3. Thông qua Tờ trình phương án hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn sau sáp nhập:

Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 6.399.815 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội

Trong đó:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 6.399.815 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

4. Thông qua Tờ trình về việc Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm với Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long từ ngày 01/01/2026, đảm bảo tuân thủ theo các quy định tại Luật Doanh Nghiệp:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, căn cứ quy định khoản 5 Điều 40 Điều lệ Công ty, do Tổng công ty Viglacera – CTCP (VGC) hiện đang sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long (TLT) và là công ty mẹ của TLT và VIT, đồng thời ông Đoàn Hải Mậu, Chủ tịch HĐQT TLT cũng là thành viên HĐQT của VIT, ông Đặng Minh Tâm, thành viên HĐQT TLT cũng là thành viên HĐQT của VIT, ông Đinh Quang Huy, thành viên HĐQT TLT cũng là thành viên HĐQT của VIT nên hợp đồng giữa VIT và TLT được xác định là giao dịch giữa TLT với tổ chức có liên quan của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của Thành viên HĐQT Công ty.

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020: cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ Công ty: cổ đông không được tham gia bỏ phiếu khi cổ đông đó hoặc người có liên quan đến cổ đông đó là một bên trong hợp đồng.

Theo đó, các cổ đông sau đây đã không thực hiện biểu quyết trước nội dung này:

Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Mối quan hệ
Tổng công ty Viglacera - CTCP	3.570.000	VIT, TLT là tổ chức có liên quan đến VGC (VGC là công ty mẹ)
Đoàn Hải Mậu	90.000	VIT, TLT là tổ chức có liên quan của ông Đoàn Hải Mậu (ông Đoàn Hải Mậu là đại diện phần vốn góp của VGC tại TLT, là Chủ tịch HĐQT của TLT và thành viên HĐQT VIT)
Lê Tiến Dũng	0	VIT, TLT là tổ chức có liên quan của ông Lê Tiến Dũng (ông Lê Tiến Dũng là đại diện phần vốn góp của VGC tại TLT (VGC là công ty mẹ của TLT và VIT), là thành viên HĐQT của TLT)
Đặng Minh Tâm	0	VIT, TLT là tổ chức có liên quan của ông Đặng Minh Tâm (ông Đặng Minh Tâm là đại diện phần vốn góp của VGC tại TLT, thành viên HĐQT của TLT, VIT)
Đinh Quang Huy	124.800	VIT, TLT là tổ chức có liên quan của ông Đinh Quang Huy (ông Đinh Quang Huy là thành viên HĐQT của VIT, TLT)
Tổng cộng	3.784.800	

Do đó, tổng số cổ phần của cổ đông tham dự và được quyền biểu quyết nội dung này tại Đại hội là: 2.615.015 cổ phần.

Kết quả kiểm phiếu như sau:

Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 2.615.015 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Trong đó:

- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 2.615.015 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

TM BAN KIỂM PHIẾU


Nguyễn Thái Lâm


Ngô Quang Hùng


Vũ Phi Lâm.



TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA THĂNG LONG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phủ Thọ, ngày 11 tháng 11 năm 2025

**BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA THĂNG LONG**

Vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 11 tháng 11 năm 2025, tại Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long, phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ, Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã tiến hành kiểm tra tư cách các cổ đông tới dự Đại hội với kết quả như sau:

Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông được quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 là 364 cá nhân và tổ chức, sở hữu và đại diện cho tổng số 6,989,800 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông thực tế dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 là 15 người, sở hữu hoặc đại diện cho 6,399,815 cổ phần, tương đương với 91,56 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long.

Theo quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long năm 2025 với thành phần tham dự như trên đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

Báo cáo kiểm tra tư cách Đại biểu được lập hồi 08 giờ 35 phút ngày 11 tháng 11 năm 2025 và đã được báo cáo công khai trước Đại hội.

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

**TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU
TRƯỞNG BAN**

NGUYỄN THỊ HIỀN

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ

1



DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP

Số:

giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA TIÊN SƠN (HNX: VIT)
(Công ty nhận sáp nhập)

và

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA THĂNG LONG (UPCOM: TLT)
(Công ty bị sáp nhập)

Hà Nội, tháng .../2025

MỤC LỤC

ĐIỀU 1.	ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH	4
ĐIỀU 2.	SÁP NHẬP CÔNG TY	6
ĐIỀU 3.	ĐIỀU KIỆN SÁP NHẬP	7
ĐIỀU 4.	THỦ TỤC SÁP NHẬP VÀ THỜI HẠN THỰC HIỆN SÁP NHẬP	8
ĐIỀU 5.	HOÁN ĐỔI CỔ PHIẾU	15
ĐIỀU 6.	CHUYỂN GIAO TÀI SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	16
ĐIỀU 7.	PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG	17
ĐIỀU 8.	QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B	17
ĐIỀU 9.	QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A	18
ĐIỀU 10.	CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM CỦA CÁC BÊN	19
ĐIỀU 11.	CAM KẾT CỦA CÁC BÊN	20
ĐIỀU 12.	XỬ LÝ VI PHẠM	25
ĐIỀU 13.	HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG	25
ĐIỀU 14.	BẢO MẬT	26
ĐIỀU 15.	THÔNG BÁO	27
ĐIỀU 16.	LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	28
ĐIỀU 17.	CÁC QUY ĐỊNH KHÁC	28

HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP (“Hợp đồng” hoặc “Hợp đồng sáp nhập”) này được lập vào ngày ... tháng ..., năm 2025 bởi và giữa các bên sau đây:

A. CÔNG TY NHẬN SÁP NHẬP: CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA TIỀN SƠN

Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp: 2300317851

Điện thoại: 0222.3839396

Fax: 0222.3838917

Người đại diện: Ông **Đoàn Hải Mậu** – Chức vụ: Giám đốc

(Sau đây được gọi tắt là “**Bên A**”)

và

B. CÔNG TY BỊ SÁP NHẬP: CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA THẮNG LONG

Địa chỉ trụ sở chính: Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp: 2500224026

Điện thoại: 024.35811895

Fax: 024.35811895

Người đại diện: Ông **Lê Tiến Dũng** – Chức vụ: Giám đốc

(Sau đây được gọi tắt là “**Bên B**”)

(**Bên A** và **Bên B** được gọi riêng là “**Bên**”, và gọi chung là “**Các Bên**”)

XÉT RÀNG:

- (1) Các Bên cùng mong muốn tiến hành việc tổ chức lại doanh nghiệp thông qua việc sáp nhập Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long vào Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn nhằm phát huy và tập trung nguồn lực của Các Bên, tiết kiệm chi phí, nâng cao năng lực tài chính, phát triển thương hiệu, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vì lợi ích của các cổ đông của Các Bên;
- (2) Đại hội đồng cổ đông của Bên A đã thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... vào ngày .../.../... theo đó đã đồng ý và phê chuẩn (i) phương án sáp nhập Bên B vào Bên A thông qua việc hoán đổi toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành thuộc sở hữu của các cổ đông của Bên B bằng cổ phiếu được phát hành thêm của Bên A; (ii) dự thảo Hợp đồng sáp nhập giữa Bên A và Bên B; (iii) dự thảo Điều lệ sửa đổi của Bên A sau khi nhận sáp nhập; (iv) phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi; (v) phương án hoạt động kinh doanh sau khi nhận sáp nhập;
- (3) Đại hội đồng cổ đông của Bên B đã thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... vào ngày .../.../..., theo đó đã đồng ý và phê chuẩn (i) phương án sáp nhập Bên B vào Bên A thông qua việc hoán đổi toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành thuộc sở hữu của các cổ

đồng của Bên B bằng cổ phiếu được phát hành thêm của Bên A; (ii) dự thảo Hợp đồng sáp nhập giữa Bên A và Bên B; (iii) dự thảo Điều lệ sửa đổi của Bên A sau khi nhận sáp nhập; (iv) phương án hoán đổi cổ phiếu để sáp nhập vào Bên A theo Hợp đồng sáp nhập; (v) phương án hoạt động kinh doanh của Bên A sau khi nhận sáp nhập;

- (4) Đồng thời, Bên A và Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội cũng đang tiến hành các thủ tục để sáp nhập thông qua việc hoán đổi toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội bằng cổ phiếu được phát hành thêm của Bên A.

Trên cơ sở kết quả thương lượng và đàm phán, Các Bên thống nhất ký kết Hợp đồng sáp nhập này với các điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1.1. Định nghĩa

Khi được sử dụng trong Hợp đồng này, các thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

- a. **“Hợp đồng”** hoặc **“Hợp đồng sáp nhập”** có nghĩa là Hợp đồng sáp nhập này, bao gồm toàn bộ các phụ lục và các sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng có thể được xác lập giữa Các Bên tùy từng thời điểm.
- b. **“Giao dịch sáp nhập”** có nghĩa như được định nghĩa tại Điều 2.1 của Hợp đồng sáp nhập này.
- c. **“Thủ tục sáp nhập”** có nghĩa như được định nghĩa tại Điều 4.2 của Hợp đồng sáp nhập này.
- d. **“Phương án sáp nhập”** có nghĩa là phương án sáp nhập Bên B vào Bên A được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... vào ngày .../.../... của Bên A và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... vào ngày .../.../... của Bên B.
- e. **“Kế hoạch sáp nhập chi tiết”** có nghĩa như được định nghĩa tại Điều 4.2.c.(v) của Hợp đồng sáp nhập này.
- f. **“Ngày hoàn thành”** có nghĩa như được định nghĩa tại Điều 2.2 của Hợp đồng sáp nhập này.
- g. **“Ngày ký kết”** có nghĩa là ngày ký kết Hợp đồng sáp nhập này.
- h. **“Ngày chốt danh sách”** có nghĩa như được định nghĩa tại Điều 4.2.f.(i) của Hợp đồng sáp nhập này.
- i. **“Ngày làm việc”** có nghĩa là một ngày không phải là thứ Bảy, Chủ nhật hoặc ngày lễ ở Việt Nam.
- j. **“DHDCTD”** có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông.
- k. **“HĐQT”** có nghĩa là Hội đồng quản trị.

- l. “BKS” có nghĩa là Ban kiểm soát.
- m. “GCNĐKDN” có nghĩa là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- n. “Giấy chứng nhận đăng ký phát hành” có nghĩa như được định nghĩa tại Điều 3.1.g.(ii) của Hợp đồng này.
- o. “UBCKNN” có nghĩa là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
- p. “VSDC” có nghĩa là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
- q. “Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội” là Sở Giao dịch chứng khoán được thành lập theo Quyết định số 01/2009/QĐ-TTg ngày 02/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- r. “Công ty VIII” có nghĩa là Công ty cổ phần Viglacera Hà Nội có mã số doanh nghiệp là 0100774247.
- s. “Tài liệu của Bên B” có nghĩa như được định nghĩa tại Điều 4.2.c.(iv) của Hợp đồng này.
- t. “Danh sách cổ đông hưởng quyền” có nghĩa như được định nghĩa tại Điều 4.2.f.(iv) của Hợp đồng này.
- u. “Thay đổi bất lợi đáng kể” có nghĩa là việc xảy ra bất kỳ sự kiện, sự việc, hành vi, điều kiện, văn bản hoặc thay đổi nào theo quyết định của Các Bên, có thể ảnh hưởng bất lợi và đáng kể tới:
 - (i) việc kinh doanh, tình hình (về tài chính hoặc về các vấn đề khác), hoạt động, khả năng thực hiện hợp đồng, tài sản hoặc triển vọng kinh doanh của mỗi Bên;
 - (ii) việc thực hiện Giao dịch sáp nhập;
 - (iii) khả năng thực hiện các nghĩa vụ của Các Bên theo Hợp đồng này; hoặc
 - (iv) hiệu lực và khả năng thi hành của Hợp đồng này.
- v. “Cơ quan nhà nước có thẩm quyền” nghĩa là bất kỳ cơ quan nhà nước địa phương hay trung ương nào của Việt Nam, bao gồm nhưng không giới hạn Chính phủ, các Bộ, Ủy ban nhân dân, các phòng ban chuyên môn, các Ủy ban chuyên trách, các Cơ quan hành chính và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền đối với các vấn đề quy định tại Hợp đồng này.

1.2. Giải thích

- a. Các tiêu đề của điều, khoản trong Hợp đồng này chỉ được sử dụng để thuận tiện cho việc tham chiếu và không ảnh hưởng đến nội dung cũng như việc giải thích các điều, khoản của Hợp đồng này.

- b. Từ “bao gồm” được sử dụng trong Hợp đồng này sẽ được hiểu là bao gồm nhưng không giới hạn.
- c. Việc nhắc đến bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào trong Hợp đồng này sẽ được hiểu là nhắc đến cả bên nhận chuyển nhượng, bên nhận chuyển giao hoặc bên kế thừa của tổ chức hoặc cá nhân đó.
- d. Việc dẫn chiếu đến văn bản của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến các văn bản đó và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của các văn bản đó.

ĐIỀU 2. SÁP NHẬP CÔNG TY

2.1. Sau khi hoàn tất các điều kiện được quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này, Các Bên sẽ thực hiện việc sáp nhập Bên B vào Bên A và chấm dứt sự tồn tại của Bên B (“**Giao dịch sáp nhập**”) với nội dung như sau:

- a. Bên A dự kiến phát hành tối đa 9.785.720 cổ phiếu phổ thông (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) để hoán đổi lấy 6.989.800 cổ phiếu phổ thông (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) tương ứng với 100% tổng số cổ phiếu đang lưu hành thuộc sở hữu của các cổ đông của Bên B theo tỷ lệ hoán đổi như được quy định tại Điều 5 dưới đây;
- b. Tất cả các cổ đông của Bên B sẽ trở thành cổ đông của Bên A;
- c. Bên B sẽ chấm dứt sự tồn tại. Toàn bộ tài sản, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của Bên B (bao gồm nhưng không giới hạn các quyền kinh doanh, quyền sử dụng đất, các khoản nợ phải thu, các khoản nợ phải trả, các quyền và nghĩa vụ theo các hợp đồng mà Bên B ký kết với bất kỳ bên thứ ba nào, hợp đồng lao động ký giữa Bên B và người lao động của Bên B) sẽ được chuyển giao toàn bộ và nguyên trạng theo giá trị sổ sách cho Bên A;
- d. Vốn điều lệ của Bên A sẽ được tăng thêm một khoản tương ứng với tổng số cổ phiếu phổ thông thực tế mà Bên A đã phát hành thêm nhân với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu của Bên B phù hợp với quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

2.2. Giao dịch sáp nhập sẽ được coi là hoàn thành vào ngày mà tất cả các điều kiện dưới đây được đáp ứng toàn bộ (“**Ngày hoàn thành**”):

- a. Bên A đã kết thúc đợt phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi với toàn bộ số cổ phiếu đang lưu hành của Bên B cho tất cả các cổ đông của Bên B theo quy định tại Điều 5 dưới đây; và
- b. Bên A được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNDKDN sửa đổi ghi nhận phần vốn điều lệ tăng thêm một khoản tương ứng với số cổ phiếu phổ thông phát hành thêm thực tế nhân với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu để hoán đổi với toàn bộ số cổ phiếu đang lưu hành của Bên B.

ĐIỀU 3. ĐIỀU KIỆN SÁP NHẬP

3.1. Giao dịch sáp nhập chỉ được thực hiện khi các điều kiện dưới đây được đáp ứng:

- a. Hợp đồng này đã được chấp thuận và thông qua một cách hợp lệ bởi ĐHĐCĐ của Các Bên và được đại diện có thẩm quyền của Các Bên ký kết.
- b. Điều lệ của Bên A sau khi nhận sáp nhập đã được chấp thuận và thông qua một cách hợp lệ bởi ĐHĐCĐ của cả Bên A và Bên B.
- c. Bên B đã gửi Hợp đồng sáp nhập này cho các chủ nợ của Bên B (bao gồm nhưng không giới hạn các ngân hàng, tổ chức cung cấp tín dụng cho Bên B, các ngân hàng, tổ chức, cá nhân hiện đang nhận tài sản bảo đảm của Bên B hay bảo lãnh cho Bên B và các trái chủ theo các hợp đồng đặt mua trái phiếu mà Bên B tham gia).
- d. Bên A đã gửi Hợp đồng sáp nhập này cho các chủ nợ của Bên A (bao gồm nhưng không giới hạn các ngân hàng, tổ chức cung cấp tín dụng cho Bên A, các ngân hàng, tổ chức, cá nhân hiện đang nhận tài sản bảo đảm của Bên A hay bảo lãnh cho Bên A và các trái chủ theo các hợp đồng đặt mua trái phiếu mà Bên A tham gia).
- e. Bên A đã thông báo về Hợp đồng sáp nhập này cho tất cả người lao động của Bên A.
- f. Bên B đã thông báo về Hợp đồng sáp nhập này cho tất cả người lao động của Bên B.
- g. Tất cả các phê chuẩn, chấp thuận cần có từ các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đều đã đạt được, bao gồm:
 - (i) Thông báo kết quả thẩm định sơ bộ việc tập trung kinh tế hoặc Quyết định về việc tập trung kinh tế do Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia cấp có nội dung Giao dịch sáp nhập được thực hiện không kèm theo điều kiện hoặc được thực hiện có kèm theo điều kiện;
 - (ii) Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi (“**Giấy chứng nhận đăng ký phát hành**”) do UBCKNN cấp cho Bên A để phát hành thêm số cổ phiếu phổ thông (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) cho tất cả cổ đông của Bên B và Công ty VIH để nhằm mục đích hoán đổi cổ phiếu thực hiện Phương án sáp nhập;
 - (iii) Văn bản thông báo hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu của Bên B do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.
- h. Các Bên đã hoàn thành các nghĩa vụ công bố thông tin cần thiết liên quan đến Giao dịch sáp nhập theo quy định của Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan.
- i. Bên A đã nhận được các Tài liệu của Bên B (như được định nghĩa tại Điều 4.2).

- j. Bên A và Bên B đã thực hiện hoặc tuân thủ tất cả những cam kết, thỏa thuận được quy định trong Hợp đồng này vào hoặc trước Ngày chốt danh sách.
 - k. Vào hoặc trước Ngày chốt danh sách, tất cả các cam đoan và bảo đảm của Bên A và Bên B được quy định tương ứng tại Hợp đồng này vẫn đúng.
- 3.2. Các Bên công nhận và đồng ý rằng bất kỳ điều kiện nào quy định tại Điều 3.1 sẽ chỉ có thể được miễn trừ bằng văn bản do Các Bên ký hợp lệ.
- 3.3. Mỗi Bên sẽ nỗ lực hợp lý để đảm bảo rằng các điều kiện quy định tại Điều 3.1 sẽ được hoàn tất và sẽ thông báo kịp thời cho Bên còn lại về tình hình thực hiện các điều kiện đó.

ĐIỀU 4. THỦ TỤC SÁP NHẬP VÀ THỜI HẠN THỰC HIỆN SÁP NHẬP

4.1. Các thủ tục chính

Các thủ tục chính để thực hiện Giao dịch sáp nhập như sau:

- a. Thủ tục chấp thuận nội bộ của Các Bên để ký kết Hợp đồng sáp nhập;
- b. Thủ tục thông báo tập trung kinh tế;
- c. Thủ tục ký kết Hợp đồng sáp nhập;
- d. Thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát hành của Bên A tại UBCKNN;
- e. Thủ tục hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu của Bên B tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- f. Thủ tục chốt danh sách cổ đông hưởng quyền của Bên B, hoán đổi cổ phiếu và hoàn thành đợt phát hành;
- g. Thủ tục điều chỉnh GCNDKDN của Bên A;
- h. Thủ tục điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký của Bên A và hủy đăng ký cổ phiếu của Bên B tại VSDC;
- i. Thủ tục đề nghị tiếp tục niêm yết và niêm yết bổ sung cổ phiếu của Bên A tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- j. Các thủ tục khác liên quan đến chuyển giao lao động, tài sản, đăng ký doanh nghiệp, thuế và công ty đại chúng của Các Bên.

Nội dung và thời hạn thực hiện của thủ tục chính trên đây được quy định chi tiết tại Điều 4.2 của Hợp đồng này.

4.2. Trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận khác hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc UBCKNN hoặc bất kỳ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào có yêu cầu khác, Giao dịch sáp nhập sẽ được thực hiện theo thủ tục sáp nhập ("**Thủ tục sáp nhập**") như sau:

a. Thủ tục chấp thuận nội bộ của Các Bên để ký kết Hợp đồng sáp nhập:

- (i) HĐQT của Bên A đã thông qua Nghị quyết số ngày .../.../... về việc phê duyệt và trình ĐHĐCĐ của Bên A để thông qua (A) Phương án sáp nhập Bên B vào Bên A; (B) dự thảo Hợp đồng sáp nhập giữa Bên A và Bên B; (C) dự thảo Điều lệ sửa đổi của Bên A sau khi nhận sáp nhập; (D) phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi; (E) phương án hoạt động kinh doanh sau sáp nhập;
- (ii) HĐQT của Bên B đã thông qua Nghị quyết số ngày .../.../... về việc phê duyệt và trình ĐHĐCĐ của Bên B để thông qua (A) Phương án sáp nhập Bên B vào Bên A; (B) dự thảo Hợp đồng sáp nhập giữa Bên A và Bên B; (C) dự thảo Điều lệ sửa đổi của Bên A sau khi nhận sáp nhập; (D) phương án hoán đổi cổ phiếu để sáp nhập vào Bên A theo Hợp đồng sáp nhập; (E) phương án hoạt động kinh doanh của Bên A sau khi nhận sáp nhập;
- (iii) ĐHĐCĐ của Bên A đã thông qua Nghị quyết số ngày .../.../... về việc phê duyệt (A) Phương án sáp nhập Bên B vào Bên A; (B) dự thảo Hợp đồng sáp nhập giữa Bên A và Bên B; (C) dự thảo Điều lệ sửa đổi của Bên A sau khi nhận sáp nhập; (D) phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi; (E) phương án hoạt động kinh doanh sau sáp nhập;
- (iv) ĐHĐCĐ của Bên B đã thông qua Nghị quyết số ngày .../.../... về việc phê duyệt (A) Phương án sáp nhập Bên B vào Bên A; (B) dự thảo Hợp đồng sáp nhập giữa Bên A và Bên B; (C) dự thảo Điều lệ sửa đổi của Bên A sau khi nhận sáp nhập; (D) phương án hoán đổi cổ phiếu để sáp nhập vào Bên A theo Hợp đồng sáp nhập; (E) phương án hoạt động kinh doanh của Bên A sau khi nhận sáp nhập.

b. Thủ tục thông báo tập trung kinh tế:

- (i) Các Bên đã nộp Hồ sơ thông báo tập trung kinh tế cho Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia;
- (ii) Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia đã ban hành Thông báo kết quả thẩm định sơ bộ việc tập trung kinh tế hoặc Quyết định về việc tập trung kinh tế có nội dung Giao dịch sáp nhập được thực hiện không kèm theo điều kiện hoặc được thực hiện có kèm theo điều kiện.

c. Thủ tục ký kết Hợp đồng sáp nhập:

- (i) Sau khi hoàn thành các thủ tục chấp thuận nội bộ và thông báo tập trung kinh tế nêu trên, Các Bên thực hiện ký kết Hợp đồng sáp nhập này;

- (ii) Trong thời gian sớm nhất có thể sau Ngày ký kết, Các Bên sẽ tổ chức Đại hội người lao động để thông báo về Phương án sáp nhập;
- (iii) Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày DHHĐĐ của Các Bên thông qua Hợp đồng sáp nhập, Các Bên phải gửi Hợp đồng này cho các chủ nợ của mình và thông báo về Hợp đồng này cho người lao động của mình;
- (iv) Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ Ngày ký kết, Bên B gửi cho Bên A các thông tin, tài liệu của Bên B ("**Tài liệu của Bên B**") sau đây:
 - (A) Danh mục các quy định, quy chế nội bộ của Bên B bao gồm nhưng không giới hạn ở Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động của HĐQT, quy chế hoạt động của BKS;
 - (B) Danh sách các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Bên B (nếu có);
 - (C) Danh mục tài sản của Bên B và hiện trạng của các tài sản đó, bao gồm cả các đối tượng sở hữu trí tuệ;
 - (D) Danh mục các hợp đồng, thỏa thuận đang có hiệu lực của Bên B;
 - (E) Danh mục các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy phép và giấy chứng nhận khác của Bên B, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Bên B (nếu có);
 - (F) Danh sách người lao động của Bên B: thông tin về toàn bộ người lao động, hợp đồng lao động và chương trình kế hoạch về tiền lương, thù lao và lợi ích cho người lao động của Bên B;
 - (G) Danh sách các khoản nợ phải trả và phương án giải quyết đối với các khoản nợ, các giao dịch và nghĩa vụ tài sản kèm theo;
 - (H) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Bên B cho ba năm tài chính gần nhất và Báo cáo tài chính của Bên B cho các quý trong năm 2025 tính đến thời điểm phải cung cấp tài liệu quy định tại điểm này;
 - (I) Danh mục các vụ việc và tài liệu liên quan tới các vụ kiện, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, xử phạt hành chính có liên quan đến Bên B và các công ty con của Bên B (nếu có); và
 - (J) Các thông tin, tài liệu khác cần thiết để thực hiện Giao dịch sáp nhập và Hợp đồng sáp nhập này theo yêu cầu của Bên A.
- (v) Trong thời hạn 15 Ngày làm việc sau khi Bên A nhận được đầy đủ Tài liệu của Bên B, Các Bên sẽ phối hợp để lập kế hoạch sáp nhập chi tiết

(“**Kế hoạch sáp nhập chi tiết**”) theo các biểu mẫu được Các Bên thống nhất, bao gồm các tài liệu sau đây:

- (A) Dự thảo Biên bản bàn giao để thực hiện sáp nhập;
- (B) Kế hoạch chuyển giao chi tiết để thực hiện sáp nhập;
- (C) Danh sách, bảng kê chuyển giao liên quan đến nhân sự, tài sản, công nợ, hợp đồng kinh tế, hồ sơ pháp lý, hệ thống kế toán, đất đai;
- (D) Kế hoạch bố trí lại nhân sự;
- (E) Các tài liệu cần thiết khác theo yêu cầu của Bên A.

Kế hoạch sáp nhập chi tiết sau khi được đại diện của Các Bên ký kết hợp lệ sẽ trở thành một phần không tách rời của Hợp đồng này. Các Bên có trách nhiệm tuân thủ Kế hoạch sáp nhập chi tiết trong quá trình thực hiện Hợp đồng và Giao dịch sáp nhập.

- d. Thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát hành của Bên A tại UBCKNN:
 - (i) Trong thời gian sớm nhất có thể sau Ngày ký kết, Bên A sẽ nộp Hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo Hợp đồng sáp nhập này và hợp đồng sáp nhập giữa Công ty VIII và Bên A cho UBCKNN để đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát hành;
 - (ii) Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký phát hành của UBCKNN có hiệu lực, Bên A và Bên B phải tiến hành việc công bố thông tin về bản thông báo phát hành cổ phiếu và bản cáo bạch theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- e. Thủ tục hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu của Bên B tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội:

Trong thời gian sớm nhất có thể kể từ ngày Bên A nhận được Giấy chứng nhận đăng ký phát hành và thông báo cho Bên B, Bên B phải gửi văn bản đề nghị hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu của Bên B cho Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Sau đó, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội sẽ ban hành Văn bản thông báo hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu của Bên B.
- f. Thủ tục chốt danh sách cổ đông hưởng quyền của Bên B, hoán đổi cổ phiếu và hoàn thành đợt phát hành:
 - (i) Ít nhất 10 ngày trước ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền hoán đổi cổ phiếu (“**Ngày chốt danh sách**”), Bên B công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền hoán đổi cổ phiếu;
 - (ii) Ít nhất 08 ngày làm việc trước Ngày chốt danh sách, Bên B gửi Hồ sơ thông báo thực hiện quyền tới VSDC;

- (iii) Sau khi nhận được Hồ sơ thông báo thực hiện quyền của Bên B, VSDC lập và gửi Thông báo về ngày chốt danh sách và xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán cho Bên B, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và các thành viên lưu ký có liên quan;
- (iv) Vào Ngày chốt danh sách, VSDC thực hiện chốt danh sách cổ đông của Bên B được hưởng quyền hoán đổi cổ phiếu để lấy cổ phiếu của Bên A ("**Danh sách cổ đông hưởng quyền**");
- (v) Sau khi chốt Danh sách cổ đông hưởng quyền, VSDC gửi Danh sách cổ đông hưởng quyền cho Bên B. Trong thời gian sớm nhất có thể sau khi nhận được Danh sách cổ đông hưởng quyền từ VSDC, Bên B gửi Danh sách cổ đông hưởng quyền cho Bên A;
- (vi) Trong vòng 10 ngày kể từ Ngày chốt danh sách, Bên A phải tổng hợp kết quả của đợt phát hành cổ phiếu và báo cáo kết quả cho UBCKNN;
- (vii) Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm Bên A báo cáo UBCKNN về kết quả đợt phát hành, Bên A phải công bố thông tin về sự thay đổi cổ phiếu có quyền biểu quyết. Sau đó, UBCKNN sẽ thông báo cho Bên A về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành đồng thời gửi cho Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, VSDC và đăng tải thông tin về việc nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành trên trang thông tin điện tử của UBCKNN.

g. Thủ tục điều chỉnh GCNĐKDN của Bên A:

Trong vòng 10 ngày kể từ Ngày chốt danh sách, Bên A phải nộp Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan đăng ký kinh doanh để được cấp GCNĐKDN sửa đổi ghi nhận phần vốn điều lệ tăng thêm một khoản tương ứng với số cổ phiếu phổ thông phát hành thêm thực tế nhân với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu phổ thông của Bên B. Sau đó, cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ cấp GCNĐKDN sửa đổi cho Bên A.

h. Thủ tục điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký của Bên A và hủy đăng ký cổ phiếu của Bên B tại VSDC:

- (i) Trong thời gian sớm nhất có thể sau khi Bên A được cấp GCNĐKDN sửa đổi, Bên A phải nộp hồ sơ xin đăng ký bổ sung cổ phiếu đối với số cổ phiếu phát hành cho cổ đông của Bên B cho VSDC để được chấp thuận đăng ký bổ sung. Sau đó, VSDC sẽ gửi Văn bản chứng nhận điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký cho Bên A, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và các thành viên lưu ký có liên quan;
- (ii) Sau khi gửi Văn bản chứng nhận điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký cho Bên A, VSDC gửi Thông báo hủy đăng ký cổ phiếu của Bên B cho Bên B, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và các thành viên lưu ký có liên quan;

- (iii) VSDC hạch toán tăng cổ phiếu của Bên A, hạch toán giảm cổ phiếu của Bên B trên tài khoản lưu ký của cổ đông tại các thành viên lưu ký có liên quan.
- i. Thủ tục đề nghị tiếp tục niêm yết và niêm yết bổ sung cổ phiếu của Bên A tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội:
 - (i) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A được cấp GCNDKDN sửa đổi, Bên A phải nộp hồ sơ xin niêm yết bổ sung cổ phiếu đối với số cổ phiếu phát hành cho cổ đông của Bên B tới Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội quản lý chứng khoán niêm yết của Bên A để nhận chấp thuận niêm yết bổ sung. Sau đó, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội sẽ ban hành Quyết định chấp thuận tiếp tục niêm yết và niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm cho Bên A;
 - (ii) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp Quyết định chấp thuận tiếp tục niêm yết và niêm yết bổ sung, Bên A phải đăng ký ngày giao dịch cho số lượng chứng khoán mới và hoàn tất các thủ tục để đưa chứng khoán mới vào giao dịch.
- j. Các thủ tục khác liên quan đến chuyển giao tài sản, lao động, đăng ký doanh nghiệp, thuế và công ty đại chúng của Các Bên:
 - (i) Các Bên sẽ ký Biên bản bàn giao để thực hiện sáp nhập theo mẫu dự thảo trong Kế hoạch sáp nhập chi tiết vào ngày Bên A được cấp GCNDKDN sửa đổi;
 - (ii) Trong thời gian sớm nhất có thể sau Ngày hoàn thành, Bên A và Bên B sẽ tiến hành các thủ tục cần thiết để:
 - (A) chuyển việc ký kết các hợp đồng lao động của Bên B sang Bên A;
 - (B) thay đổi tên chủ sở hữu thành Bên A đối với các tài sản của Bên B, bao gồm cả quyền sử dụng đất và các đối tượng sở hữu trí tuệ (nếu cần thiết);
 - (C) thay đổi tên Bên B tại các giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận và giấy phép khác (nếu cần thiết) thành tên Bên A;
 - (D) đăng ký thành lập chi nhánh, địa điểm kinh doanh, văn phòng đại diện của Bên A (nếu cần thiết) và cập nhật các giấy phép, giấy chứng nhận để nhận chuyển giao các hoạt động kinh doanh của Bên B;
 - (E) ký kết phụ lục hợp đồng để sửa đổi hoặc ký kết hợp đồng, thỏa thuận mới để thay thế/chuyển giao các hợp đồng, thỏa thuận mà Bên B đã ký với bên thứ ba (nếu cần thiết);

- (F) nhận chuyển giao hoạt động kinh doanh của Bên B theo phương án hoạt động kinh doanh sau sáp nhập đã được phê duyệt; và
 - (G) tất cả các công việc cần thiết khác để Bên A kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên B phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tuân thủ các quy định tại Hợp đồng này;
- (iii) Sau khi Bên A được cấp GCNDKDN sửa đổi, cơ quan đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của Bên B sang tình trạng “Đang bị sáp nhập” và chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, địa điểm kinh doanh, văn phòng đại diện của Bên B sang tình trạng “Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động”;
 - (iv) Sau khi tình trạng pháp lý của Bên B được cập nhật trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là “Đang bị sáp nhập”, UBCKNN sẽ thông báo cho Bên B về việc hủy tư cách công ty đại chúng của Bên B;
 - (v) Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Bên A được cấp GCNDKDN sửa đổi, Bên B phải nộp Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của Bên B, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Bên B (nếu có) cho cơ quan thuế. Sau đó, cơ quan thuế sẽ ban hành Thông báo về việc người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế; cập nhật thông tin Bên B đã hoàn thành nghĩa vụ thuế vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế và ban hành Thông báo về việc Bên B hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế để chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh;
 - (vi) Bên B có trách nhiệm hoàn thành việc quyết toán và chuyển giao nghĩa vụ thuế do thực hiện Giao dịch sáp nhập theo quy định của pháp luật về thuế;
 - (vii) Sau khi nhận được thông tin của cơ quan thuế về việc Bên B đã hoàn thành việc quyết toán và chuyển giao nghĩa vụ thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh ghi nhận việc chấm dứt tồn tại của Bên B và chấm dứt hoạt động chi nhánh, địa điểm kinh doanh, văn phòng đại diện của Bên B trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
- 4.3. Thời hạn thực hiện sáp nhập là 12 (mười hai) tháng kể từ Ngày ký kết và có thể được gia hạn theo thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên.
- 4.4. Kể từ Ngày hoàn thành, Bên A sẽ có toàn bộ các quyền, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm, như thể là Bên B, đối với tài sản, các quyền, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên B.
- 4.5. Các Bên có thể thỏa thuận về việc thay đổi Thủ tục sáp nhập và thời hạn thực hiện sáp nhập nếu bắt buộc để phù hợp với tình hình thực tế, quy định pháp luật và bảo đảm việc hoàn tất Giao dịch sáp nhập sẽ diễn ra vào thời điểm sớm nhất có thể.
- 4.6. Mỗi Bên sẽ thực hiện tất cả các công việc mà Bên đó phải thực hiện theo Thủ tục sáp nhập, các quy định khác của Hợp đồng này và bất kỳ hành động và thủ tục có liên quan

nào khác cần thiết hoặc bắt buộc theo quy định của pháp luật nhằm hoàn tất Giao dịch sáp nhập trong thời gian sớm nhất có thể.

- 4.7. Các Bên không được thực hiện bất kỳ hành động nào có thể gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể hoặc dẫn đến việc gây ảnh hưởng bất lợi hoặc làm chậm trễ đáng kể khả năng hoàn thành Giao dịch sáp nhập hoặc thực hiện các nghĩa vụ, cam kết và thỏa thuận của mình theo Hợp đồng này.
- 4.8. Các Bên chịu trách nhiệm hoàn thiện các tài liệu và hồ sơ cần thiết để thực hiện Thủ tục sáp nhập theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 5. HOÁN ĐỔI CỔ PHIẾU

- 5.1. Vào Ngày chốt danh sách, Bên A dự kiến phát hành tối đa 9.785.720 cổ phiếu phổ thông của mình (Mã chứng khoán: VIT) cho các cổ đông của Bên B theo Danh sách cổ đông hưởng quyền để đổi lấy 6.989.800 cổ phiếu phổ thông của Bên B theo phương thức sau:

- a. Tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu phổ thông của Bên B sang cổ phiếu phổ thông của Bên A là: 01 cổ phiếu Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long (Mã chứng khoán: TLT) sẽ được hoán đổi lấy 1,40 cổ phiếu Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn (Mã chứng khoán: VIT).
- b. Cổ phiếu hoán đổi sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ bị hủy.

Ví dụ: Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông TLT để thực hiện quyền hoán đổi cổ phiếu, cổ đông X sở hữu 09 cổ phiếu TLT sẽ nhận được 09 quyền hoán đổi cổ phiếu, và 09 quyền hoán đổi cổ phiếu này sẽ nhận được $09 \times 1,40 = 12,6$ cổ phiếu VIT. Số cổ phiếu này sẽ được làm tròn xuống là 12 cổ phiếu VIT và 0,6 cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy.

- c. Tỷ lệ hoán đổi nêu tại Điều 5.1 này là tỷ lệ cố định và không được thay đổi trong mọi trường hợp.
- d. Toàn bộ số cổ phiếu VIT phát hành để hoán đổi lấy số cổ phiếu TLT đều là cổ phiếu phổ thông tự do chuyển nhượng.
- 5.2. Kể từ Ngày hoàn thành, các cổ đông của Bên B (theo Danh sách cổ đông hưởng quyền) sẽ trở thành cổ đông của Bên A và được hưởng đầy đủ các quyền, lợi ích và nghĩa vụ như là cổ đông hiện hữu của Bên A tương ứng với số cổ phiếu của Bên A mà họ được nhận theo tỷ lệ hoán đổi quy định tại Hợp đồng này.
- 5.3. Các Bên đồng ý và xác nhận rằng, vào Ngày chốt danh sách, mọi cổ đông trong Danh sách cổ đông hưởng quyền của Bên B sẽ được hoán đổi toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Bên B thuộc sở hữu của mình lấy cổ phiếu phổ thông của Bên A theo quy định tại Hợp đồng này. Không một cổ đông nào được quyền giữ lại và/hoặc yêu cầu Bên A hoán đổi một phần hoặc toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Bên B thuộc sở hữu của mình lấy tiền mặt hoặc bất cứ tài sản gì khác mà không phải là cổ phiếu của Bên A.

- 5.4. Các Bên đồng ý và xác nhận rằng các cổ đông được nêu trong Danh sách cổ đông hưởng quyền là cổ đông của Bên B và có quyền hoán đổi toàn bộ cổ phiếu phổ thông của họ tại Bên B thành cổ phiếu phổ thông của Bên A theo quy định tại Hợp đồng này. Nếu có sự mâu thuẫn giữa Danh sách cổ đông hưởng quyền và bất cứ tài liệu nào và/hoặc bất kỳ tranh chấp nào phát sinh liên quan đến Danh sách cổ đông hưởng quyền thì Danh sách cổ đông hưởng quyền sẽ có giá trị sử dụng và Bên A sẽ không phải chịu bất kỳ trách nhiệm hay hậu quả nào phát sinh từ những mâu thuẫn, tranh chấp nói trên.
- 5.5. Bất kỳ cổ phiếu nào của Bên B mà có các quyền có liên quan bị hạn chế, bao gồm cả quyền chuyển nhượng theo bất kỳ điều kiện phát hành hoặc chương trình phát hành nào cũng sẽ được hoán đổi lấy cổ phiếu của Bên A. Kể từ Ngày chốt danh sách, các hạn chế về quyền nêu trên sẽ tiếp tục được áp dụng đối với các cổ phiếu của Bên A được phát hành để hoán đổi lấy cổ phiếu có liên quan của Bên B.
- 5.6. Sau Ngày hoàn thành, tất cả các tờ cổ phiếu hay chứng nhận sở hữu cổ phần liên quan đến các cổ phiếu của Bên B (nếu có) sẽ bị coi là đã hủy bỏ, không còn có giá trị và các cổ đông của Bên B sẽ không còn quyền hay lợi ích nào liên quan đến các cổ phiếu đó được ghi nhận trong các tờ cổ phiếu hay chứng nhận sở hữu cổ phần đó.

ĐIỀU 6. CHUYỂN GIAO TÀI SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- 6.1. Sau Ngày hoàn thành, Bên A và Bên B sẽ tiến hành các thủ tục cần thiết để (i) thay đổi tên chủ sở hữu thành Bên A đối với các tài sản của Bên B, bao gồm cả các đối tượng sở hữu trí tuệ (nếu cần thiết); (ii) thay đổi tên Bên B tại các giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy phép, giấy chứng nhận khác (nếu cần thiết) thành tên Bên A; (iii) ký kết phụ lục hợp đồng để sửa đổi hoặc ký kết hợp đồng, thỏa thuận mới để thay thế/chuyển giao các hợp đồng, thỏa thuận mà Bên B đã ký với bên thứ ba (nếu cần thiết); (iv) chuyển giao hoạt động sản xuất kinh doanh và (v) tất cả các công việc cần thiết khác để Bên A kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên B phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tuân thủ các quy định tại Hợp đồng này cũng như Kế hoạch sáp nhập chi tiết.
- 6.2. Bên A sẽ kế thừa từ Bên B toàn bộ tài sản, công nợ, quyền và nghĩa vụ theo giá trị sổ sách của Bên B kể từ Ngày hoàn thành theo quy định pháp luật, cụ thể:
- a. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất của Bên B sẽ được chuyển giao cho Bên A;
 - b. Bên A sẽ kế thừa tất cả quyền và nghĩa vụ của Bên B theo các hợp đồng hợp pháp còn hiệu lực được ký giữa Bên B và bên thứ ba trước Ngày hoàn thành, và sẽ bị ràng buộc bởi các hợp đồng đó;
 - c. Tất cả các khoản nợ, trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B có hiệu lực ngay trước Ngày hoàn thành sẽ trở thành các khoản nợ, trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên A;
 - d. Bên A sẽ kế thừa các quyền và nghĩa vụ về thuế và các quyền và nghĩa vụ về tài chính khác đối với Nhà nước của Bên B theo quy định pháp luật,
 - e. Bên A sẽ kế thừa quyền sở hữu trí tuệ đối với tên thương mại, nhãn hiệu, hình ảnh và các quyền sở hữu trí tuệ khác của Bên B từ Ngày hoàn thành;

- f. Bên A sẽ tiếp tục tham gia các thủ tục tố tụng và vụ kiện mà Bên B đã tham gia trước Ngày hoàn thành;
 - g. Bên A sẽ nhận chuyển giao và kế thừa nguyên trạng tất cả tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp, các khoản nợ, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý khác của Bên B.
- 6.3. Bên A sẽ tiếp nhận toàn bộ con dấu, hồ sơ, sổ sách, chứng từ và các tài liệu khác của Bên B để tiêu hủy hoặc sử dụng theo quyết định của Bên A sau Ngày hoàn thành.
- 6.4. Bên A sẽ tiếp nhận hoạt động kinh doanh của Bên B kể từ Ngày hoàn thành theo phương án hoạt động kinh doanh sau sáp nhập đã được HĐQT của Bên A và Bên B phê duyệt, theo quy định của Hợp đồng này và quy định của pháp luật.
- 6.5. Bên A sẽ thực hiện hợp nhất sổ liệu tài chính theo giá trị sổ sách của Bên B vào báo cáo tài chính của Bên A phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Bên A, Phương án sáp nhập và Kế hoạch sáp nhập chi tiết dưới sự kiểm soát của Tổng công ty Viglacera – CTCP (Mã chứng khoán: VGC).

ĐIỀU 7. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- 7.1. Bên A sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng lao động hiện được ký kết giữa Bên B với các người lao động của Bên B (“Người lao động”). Tất cả các nghĩa vụ, trách nhiệm, lương, tiền thưởng, lợi ích và các vị trí của Người lao động vẫn sẽ được giữ nguyên khi chuyển sang cho Bên A hoặc được thực hiện theo phương án sử dụng lao động thuộc Phương án sáp nhập và Kế hoạch sáp nhập chi tiết. Bên A và Người lao động sẽ hoàn tất các thủ tục để ghi nhận các thông tin về người sử dụng lao động theo đúng quy định pháp luật trong hợp đồng lao động và hoàn tất các thủ tục khác (nếu có). Bên A có quyền sắp xếp lại lao động (nếu cần) và thực hiện mọi công việc liên quan đến Người lao động theo quy định của Pháp luật.
- 7.2. Bên A sẽ thực hiện các thủ tục để chấm dứt hợp đồng lao động với những Người lao động không muốn tiếp tục làm việc tại Bên A theo quy định của pháp luật.
- 7.3. Các cá nhân là thành viên của HĐQT, BKS và Ban Giám đốc của Bên B tiếp tục thực hiện công việc quản lý, điều hành hoạt động của Bên B theo đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và của Bên B cho đến Ngày hoàn thành. Sau Ngày hoàn thành, Bên A có thể quyết định miễn nhiệm hoặc tái bổ nhiệm các cá nhân nêu trên vào HĐQT, BKS hoặc Ban Giám đốc của Bên A phù hợp với Phương án sáp nhập, Kế hoạch sáp nhập chi tiết và tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ của Bên A sau khi nhận sáp nhập.

ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 8.1. Trong khoảng thời gian từ Ngày ký kết đến Ngày hoàn thành, trừ trường hợp có sự chấp thuận của Bên A, Bên B cam kết mọi hoạt động kinh doanh của mình phải tuân thủ các nguyên tắc sau:
- a. Sử dụng mọi biện pháp hợp lý và cần thiết để duy trì và tiếp tục hoạt động kinh doanh và các cơ hội trong kinh doanh như trước khi ký kết Hợp đồng;

- b. Không được gia tăng các khoản chi trả cho người lao động, nhà thầu, nhà cung cấp dịch vụ cũng như các chức danh quản lý của mình, không tiến hành việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần hay chi trả cổ tức, trừ trường hợp do pháp luật quy định hoặc chính sách của Các Bên đã có từ trước khi ký kết Hợp đồng và đã tiến hành thông báo trước cho Bên A;
 - c. Không được phép nhận nợ, bảo lãnh hay nhận bất kỳ nghĩa vụ nào từ bất kỳ bên thứ ba nào mà việc đó dẫn đến hậu quả là Bên A sẽ phải chịu trách nhiệm trước bên thứ ba sau khi sáp nhập xong, trừ khi việc nhận nợ, bảo lãnh hoặc nhận nghĩa vụ đó là nguyên tắc hoạt động bình thường của Các Bên đã có từ trước khi ký kết Hợp đồng;
 - d. Không được thay đổi, bổ sung các chính sách, trình tự, thủ tục quản lý, điều hành và các quy tắc về thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán đang được áp dụng tại Bên B;
 - e. Không được sửa đổi, bổ sung, gia hạn, hủy bỏ hoặc cố ý vi phạm các điều khoản của các hợp đồng, thỏa thuận đang thực hiện ngoại trừ trong hoạt động kinh doanh bình thường phù hợp với thông lệ đang áp dụng;
 - f. Không được tiếp nhận các nghĩa vụ từ bên thứ ba hoặc hạn chế khả năng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của mình ngoại trừ trong hoạt động kinh doanh bình thường phù hợp với thông lệ đang áp dụng;
 - g. Sử dụng các nỗ lực hợp lý của mình để (i) giữ cho việc tổ chức kinh doanh hiện tại không bị ảnh hưởng; (ii) duy trì công việc của những người lao động hiện tại; và (iii) giữ vững mối quan hệ với khách hàng, nhà cung cấp, nhà phân phối, nhà tư vấn, bên cấp li-xăng, bên nhận li-xăng và các cá nhân, tổ chức khác mà Bên B có quan hệ kinh doanh.
- 8.2. Bên B có nghĩa vụ kê khai và cung cấp cho Bên A đầy đủ, trung thực và chính xác toàn bộ thông tin về tài sản, người lao động, khách hàng, đối tác, chủ nợ, các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình tính đến thời điểm chuyển giao tài sản.
- 8.3. Bên B có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý có liên quan đến Giao dịch sáp nhập theo quy định tại Hợp đồng này và quy định pháp luật.
- 8.4. Bên B có nghĩa vụ tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động của Bên B sau Ngày hoàn thành theo quy định pháp luật.
- 8.5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 9.1. Được kế thừa toàn bộ toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Bên B.
- 9.2. Bảo đảm rằng Bên A sẽ chịu trách nhiệm đối với những nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên B theo quy định tại Hợp đồng này và Phương án sáp nhập kể từ Ngày hoàn thành.

- 9.3. Thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý có liên quan đến Giao dịch sáp nhập theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định pháp luật.
- 9.4. Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các hợp đồng, việc triển khai các dự án cũng như các hoạt động khác của Bên B. Việc kiểm tra theo điều này không được gây ảnh hưởng đến việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên B theo Hợp đồng.
- 9.5. Tiếp cận và sao chụp tất cả các nghị quyết, quyết định, tờ trình, báo cáo, hợp đồng, thỏa thuận và bất kỳ thư từ giao dịch, tài liệu nào của Bên B mà Bên A cho là cần thiết và liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng.
- 9.6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10. CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM CỦA CÁC BÊN

10.1. Cam đoan và bảo đảm của Các Bên:

- a. Mỗi Bên là một doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam; đồng thời tất cả các phê chuẩn, chấp thuận và bất kỳ sự cho phép cần thiết nào để mỗi Bên thực hiện hoạt động kinh doanh như đang thực hiện, đều đã đạt được;
- b. Mỗi Bên có đầy đủ thẩm quyền để ký kết Hợp đồng này và thực hiện các quyền, nghĩa vụ được quy định trong Hợp đồng này. Việc ký kết Hợp đồng này và thực hiện các các quyền, nghĩa vụ được quy định trong Hợp đồng này đã được thông qua hợp lệ bởi cấp có thẩm quyền của Mỗi Bên theo quy định của pháp luật;
- c. Tất cả các giấy phép cần thiết cho phép mỗi Bên sở hữu các tài sản quan trọng và tiến hành các hoạt động kinh doanh chính của mình đã được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và vẫn còn hiệu lực;
- d. Theo hiểu biết của mỗi Bên, không có bất kỳ giấy phép nào của mỗi Bên có thể bị đình chỉ, bị hủy bỏ, bị từ chối, bị thay đổi hoặc bị thu hồi, trừ việc bị đình chỉ, bị hủy bỏ, bị từ chối, bị thay đổi hoặc bị thu hồi vì Giao dịch sáp nhập;
- e. Việc mỗi Bên ký kết, thực hiện Hợp đồng này không vi phạm hoặc có khả năng dẫn đến vi phạm bất kỳ quy định, quy chế nội bộ nào của Bên đó; bất kỳ thỏa thuận nào có hiệu lực ràng buộc đối với Bên đó hoặc tài sản của Bên đó; bất kỳ bản án, quyết định nào của Tòa án hoặc Trọng tài có hiệu lực ràng buộc đối với Bên đó và bất kỳ quy định nào của pháp luật có liên quan;
- f. Mỗi Bên đã và đang tuân thủ tất cả các quy định của pháp luật và các văn bản của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực ràng buộc đối với Bên đó.

10.2. Cam đoan và bảo đảm của Bên A:

- a. Theo hiểu biết của Bên A, chưa có bất kỳ thủ tục hoặc hành động nào được Bên A và các công ty con của Bên A (nếu có) thực hiện có thể dẫn đến tình trạng mất khả năng thanh toán, tình trạng bị kiểm soát đặc biệt, việc chấm dứt hoạt động,

giải thể, hoặc tổ chức lại đối với Bên A (ngoại trừ việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này) và các công ty con của Bên A;

- b. Các quy định tại Hợp đồng này không bị vô hiệu hoặc mất khả năng thi hành do ảnh hưởng của bất kỳ vụ kiện, thủ tục tố tụng hoặc thủ tục điều tra nào đối với Bên A và các công ty con của Bên A (nếu có).

10.3. Cam đoan và bảo đảm của Bên B:

- a. Bên B cam đoan, bảo đảm rằng thông tin trong các Tài Liệu của Bên B và mọi thông tin khác được gửi bởi hoặc nhân danh Bên B cho Bên A liên quan đến Giao dịch sáp nhập hoặc Hợp đồng này là trung thực, chính xác, đầy đủ và không gây nhầm lẫn cho tới ngày đưa ra thông tin đó và vẫn luôn trung thực, chính xác, đầy đủ và không gây nhầm lẫn;
- b. Bên B có quyền sở hữu hợp pháp đối với tất cả các cổ phần, phần vốn góp trong tất cả các công ty con (nếu có) như đã tiết lộ và thông báo cho Bên A;
- c. Không có bất kỳ sự kiện nào bị coi là sự kiện vi phạm theo các hợp đồng, thỏa thuận mà Bên B là một bên đã xảy ra hoặc đang diễn ra dẫn đến việc xử lý tài sản hoặc nghĩa vụ trả nợ trước hạn của Bên B cho bên thứ ba;
- d. Theo hiểu biết của Bên B, chưa có bất kỳ thủ tục hoặc hành động nào được Bên B và các công ty con của Bên B (nếu có) thực hiện có thể dẫn đến tình trạng mất khả năng thanh toán, tình trạng bị kiểm soát đặc biệt, việc chấm dứt hoạt động, giải thể, hoặc tổ chức lại (ngoại trừ việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này) đối với Bên B và các công ty con của Bên B;
- e. Các quy định tại Hợp đồng này không bị vô hiệu hoặc mất khả năng thi hành do ảnh hưởng của bất kỳ vụ kiện, thủ tục tố tụng hoặc thủ tục điều tra nào đối với Bên B và các công ty con của Bên B (nếu có).

ĐIỀU 11. CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

11.1. Mỗi Bên phải tuân thủ các cam kết dưới đây, trừ trường hợp được Bên còn lại đồng ý miễn trừ bằng văn bản:

- a. Các Bên cam kết nỗ lực đạt được tất cả chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để hoàn tất Giao dịch sáp nhập trong thời gian sớm nhất;
- b. Các Bên thống nhất chỉ định Công ty cổ phần Chứng khoán MB, một công ty được thành lập theo Giấy phép số 116/GP-UBCK ngày 09/12/2013 do UBCKNN cấp (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm), trụ sở tại Khu vực 1 - Tầng 7-8, Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội, Việt Nam thực hiện tư vấn các thủ tục hoàn đổi cổ phiếu và niêm yết bổ sung cổ phiếu được phát hành liên quan đến Giao dịch sáp nhập. Bên A có trách nhiệm thanh toán phí tư vấn cho Công ty cổ phần Chứng khoán MB theo quy định của hợp đồng dịch vụ tư vấn giữa Bên A và Công ty cổ phần Chứng khoán MB;

- c. Các Bên cam kết nỗ lực thực hiện tất cả các điều khoản của Hợp đồng và sẽ hợp tác với nhau trong việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này tại các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật;
- d. Ngoài việc thực hiện các hành động được quy định theo Hợp đồng này, mỗi Bên đồng ý nỗ lực thực hiện tất cả những công việc cần thiết khác (nếu có) để hoàn thành Giao dịch sáp nhập;
- e. Mỗi Bên cam kết cung cấp cho Bên còn lại thông tin, tài liệu cần thiết để thực hiện Giao dịch sáp nhập như sau:
 - (i) Theo yêu cầu bằng văn bản của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu phải cho phép cán bộ, nhân viên và đơn vị tư vấn của Bên yêu cầu được tiếp nhận mọi thông tin, tài liệu cần thiết về Các Bên để thực hiện Giao dịch sáp nhập;
 - (ii) Ngay khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ cung cấp cho Bên yêu cầu thông tin, tài liệu về bất kỳ sự kiện, tình huống hoặc vấn đề nào mà có khả năng khiến cho bất kỳ cam đoan hoặc bảo đảm nào mà bên đó đưa ra theo Hợp đồng này trở nên thiếu trung thực, không chính xác hoặc gây nhầm lẫn;
 - (iii) Ngay khi nhận được yêu cầu của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ cung cấp cho Bên yêu cầu thông tin, tài liệu về bất kỳ sự kiện, tình huống hoặc vấn đề nào mà gây ra hoặc có khả năng gây ra một Thay đổi bất lợi đáng kể;
- f. Các Bên cam kết rằng kể từ Ngày chốt danh sách cho đến Ngày hoàn thành, không có bất kỳ việc phát hành thêm cổ phiếu (ngoại trừ việc phát hành cổ phiếu của Bên A theo quy định tại Hợp đồng này và việc phát hành cổ phiếu của Bên A cho cổ đông của Công ty VIII), chia tách, gộp, hoặc tái phân loại cổ phiếu nào được Các Bên thực hiện;
- g. Các Bên tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh của mình một cách bình thường cho đến Ngày hoàn thành; duy trì cơ cấu tổ chức hoạt động, các cơ hội kinh doanh, mối quan hệ kinh doanh với khách hàng, nhà cung cấp, nhà phân phối và các tổ chức, cá nhân khác như trước khi ký kết Hợp đồng theo các quy định của Hợp đồng này;
- h. Mỗi Bên không được thực hiện bất kỳ hành động nào có khả năng gây phương hại đến việc thực hiện các hợp đồng đang có hiệu lực vào hoặc trước Ngày hoàn thành mà Bên đó là một bên tham gia;
- i. Các Bên cam kết rằng Các Bên sẽ thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến Giao dịch sáp nhập theo quy định của pháp luật;
- j. Mỗi Bên sẽ thông báo cho Bên còn lại tất cả thông tin, ý kiến, chấp thuận hoặc sự cho phép từ các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan đến việc thực

hiện Giao dịch sáp nhập theo Hợp đồng hoặc các hoạt động khác có liên quan của Các Bên;

- k. Mỗi Bên sẽ tự chịu chi phí liên quan đến việc chuẩn bị Hợp đồng này và các chi phí khác phát sinh trong phạm vi trách nhiệm của mình liên quan đến Giao dịch sáp nhập theo Hợp đồng.

11.2. Bên A cam kết rằng trước và vào Ngày hoàn thành:

- a. Bên A không ban hành, chấm dứt hay thay đổi một cách bất hợp lý các chính sách, thông lệ hoặc phương án về quản trị điều hành, hoạt động kinh doanh, kế toán, tài chính của Bên A, ngoại trừ theo quy định của pháp luật;
- b. Bên A không sửa đổi, hoặc chấp thuận/phê duyệt/cho phép việc sửa đổi, điều lệ hoặc bất kỳ quy định, quy chế nội bộ nào khác của Bên A và công ty con của Bên A (nếu có), trừ trường hợp sửa đổi vì Giao dịch sáp nhập;
- c. Bên A không sửa đổi, chấm dứt hoặc miễn trừ bất kỳ thỏa thuận bảo mật nào;
- d. Bên A không thực hiện các hoạt động sau đây, ngoại trừ theo quy định của pháp luật hoặc điều khoản của các hợp đồng lao động và chương trình đang có hiệu lực:
 - (i) tăng lương, thù lao hoặc lợi ích cho bất kỳ thành viên HĐQT, thành viên BKS, cán bộ hoặc người lao động nào;
 - (ii) trả các khoản tiền hoặc tăng các khoản tiền phải trả cho bất kỳ thành viên HĐQT, thành viên BKS, cán bộ hoặc người lao động nào mà không được quy định trong hợp đồng lao động hoặc chương trình đang có hiệu lực; hoặc
 - (iii) ban hành, sửa đổi hoặc chấm dứt bất kỳ chương trình quyền chọn mua cổ phần, chương trình trả thù lao bằng cổ phần, tiền lương, phúc lợi của người lao động;
- e. Bên A không phát hành bất kỳ cổ phiếu ưu đãi nào và không có bất kỳ tổ chức cá nhân nắm giữ bất kỳ cổ phiếu ưu đãi nào của Bên A;
- f. Bên A không bán, chuyển giao, cầm cố, thế chấp, cho thuê, thanh lý hoặc thực hiện các hình thức định đoạt khác đối với bất kỳ tài sản, bất động sản, cổ phần hoặc vốn góp nào ngoại trừ trong hoạt động kinh doanh bình thường phù hợp với thông lệ đang áp dụng và không có khả năng gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể;
- g. Bên A không chuyển nhượng quyền sở hữu, nhượng quyền hoặc cấp phép sử dụng đối với bất kỳ đối tượng sở hữu trí tuệ nào của Bên A ngoại trừ trong hoạt động kinh doanh bình thường của Bên A và không có khả năng gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể;

- h. Bên A không cho vay, cấp vốn, góp vốn hoặc đầu tư vào bất kỳ tổ chức, cá nhân hoặc tài sản nào ngoại trừ trong hoạt động kinh doanh bình thường của Bên A và không có khả năng gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể;
- i. Bên A không gánh chịu bất kỳ khoản nợ hoặc trách nhiệm nào khác đối với bất kỳ tổ chức, cá nhân nào ngoại trừ trong hoạt động kinh doanh bình thường của Bên A và không có khả năng gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể;
- j. Bên A không phát hành bất kỳ trái phiếu chuyển đổi, khoản nợ chuyển đổi nào mà cho phép người nắm giữ trái phiếu và/hoặc khoản nợ đó có quyền chuyển đổi trái phiếu và/hoặc khoản nợ thành cổ phiếu của Bên A và không có bất kỳ tổ chức cá nhân nắm giữ bất kỳ trái phiếu chuyển đổi, khoản nợ chuyển đổi của Bên A;
- k. Bên A không thực hiện hoạt động kinh doanh hoặc cấp tín dụng theo bất kỳ cách thức nào không nằm trong hoạt động kinh doanh bình thường của Bên A;
- l. Bên A không thực hiện bất kỳ hoạt động kinh doanh mới nào khác ngoài hoạt động kinh doanh bình thường;
- m. Bên A không nộp hoặc sửa đổi hồ sơ khai thuế, thay đổi phương pháp tính thuế đã lựa chọn, giải quyết hoặc thỏa thuận về bất kỳ nghĩa vụ thuế nào trừ trường hợp phải thực hiện theo yêu cầu của cơ quan thuế có liên quan hoặc theo quy định của pháp luật;
- n. Bên A không bắt đầu hoặc giải quyết bất kỳ khiếu nại hoặc tranh chấp nào ngoại trừ trường hợp thực hiện trong hoạt động kinh doanh bình thường và trường hợp phải thực hiện theo quy định của pháp luật;
- o. Bên A không thực hiện bất kỳ hoạt động nào khác ngoài hoạt động kinh doanh bình thường mà có khả năng gây thất thoát tài sản của Bên A hoặc khiến Bên A phải gánh chịu nghĩa vụ hoặc trách nhiệm đáng kể hoặc có khả năng gây ra hoặc đe dọa gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể.

11.3. Bên B cam kết và xác nhận rằng trước và vào Ngày hoàn thành:

- a. Bên B không ban hành, chấm dứt hay thay đổi một cách bất hợp lý các chính sách, thông lệ hoặc phương án về quản trị điều hành, hoạt động kinh doanh, kế toán, tài chính của Bên B, ngoại trừ theo quy định của pháp luật;
- b. Bên B không sửa đổi, hoặc chấp thuận/phê duyệt/cho phép việc sửa đổi, điều lệ hoặc bất kỳ quy định, quy chế nội bộ nào khác của Bên B và công ty con của Bên B (nếu có), trừ trường hợp sửa đổi vì Giao dịch sáp nhập;
- c. Bên B không sửa đổi, chấm dứt hoặc miễn trừ bất kỳ thỏa thuận bảo mật nào;
- d. Bên B không thực hiện các hoạt động sau đây, ngoại trừ theo quy định của pháp luật hoặc điều khoản của các hợp đồng lao động và chương trình đang có hiệu lực:

- (i) tăng lương, thù lao hoặc lợi ích cho bất kỳ thành viên HĐQT, thành viên BKS, cán bộ hoặc người lao động nào;
 - (ii) trả các khoản tiền hoặc tăng các khoản tiền phải trả cho bất kỳ thành viên HĐQT, thành viên BKS, cán bộ hoặc người lao động nào mà không được quy định trong hợp đồng lao động hoặc chương trình đang có hiệu lực; hoặc
 - (iii) ban hành, sửa đổi hoặc chấm dứt bất kỳ chương trình quyền chọn mua cổ phần, chương trình trả thù lao bằng cổ phần, tiền lương, phúc lợi của người lao động;
- e. Bên B không phát hành bất kỳ cổ phiếu ưu đãi nào và không có bất kỳ tổ chức cá nhân nắm giữ bất kỳ cổ phiếu ưu đãi nào của Bên B;
 - f. Bên B không bán, chuyển giao, cầm cố, thế chấp, cho thuê, thanh lý hoặc thực hiện các hình thức định đoạt khác đối với bất kỳ tài sản, bất động sản, cổ phần hoặc vốn góp nào ngoại trừ trong hoạt động kinh doanh bình thường và không có khả năng gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể;
 - g. Bên B không chuyển nhượng quyền sở hữu, nhượng quyền hoặc cấp phép sử dụng đối với bất kỳ đối tượng sở hữu trí tuệ nào của Bên B ngoại trừ trong hoạt động kinh doanh bình thường và không có khả năng gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể;
 - h. Bên B không cho vay, cấp vốn, góp vốn hoặc đầu tư vào bất kỳ tổ chức, cá nhân hoặc tài sản nào ngoại trừ trong hoạt động kinh doanh bình thường và không có khả năng gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể;
 - i. Bên B không gánh chịu bất kỳ khoản nợ hoặc trách nhiệm nào khác đối với bất kỳ tổ chức, cá nhân nào ngoại trừ trong hoạt động kinh doanh bình thường và không có khả năng gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể;
 - j. Bên B không phát hành bất kỳ trái phiếu chuyển đổi, khoản nợ chuyển đổi nào mà cho phép người nắm giữ trái phiếu và/hoặc khoản nợ đó có quyền chuyển đổi trái phiếu và/hoặc khoản nợ thành cổ phần của Bên B và không có bất kỳ tổ chức cá nhân nắm giữ bất kỳ trái phiếu chuyển đổi, khoản nợ chuyển đổi của Bên B;
 - k. Bên B không thực hiện hoạt động kinh doanh hoặc cấp tín dụng theo bất kỳ cách thức nào không nằm trong hoạt động kinh doanh bình thường;
 - l. Bên B không thực hiện bất kỳ hoạt động kinh doanh mới nào khác ngoài hoạt động kinh doanh bình thường;
 - m. Bên B không nộp hoặc sửa đổi hồ sơ khai thuế, thay đổi phương pháp tính thuế đã lựa chọn, giải quyết hoặc thỏa thuận về bất kỳ nghĩa vụ thuế nào trừ trường hợp phải thực hiện theo yêu cầu của cơ quan thuế có liên quan hoặc theo quy định của pháp luật;

- n. Bên B không bắt đầu hoặc giải quyết bất kỳ khiếu nại hoặc tranh chấp nào ngoại trừ trường hợp thực hiện trong hoạt động kinh doanh bình thường và trường hợp phải thực hiện theo quy định của pháp luật;
- o. Bên B không thực hiện bất kỳ hoạt động nào khác ngoài hoạt động kinh doanh bình thường mà có khả năng gây thất thoát tài sản của Bên B hoặc khiến Bên B phải gánh chịu nghĩa vụ hoặc trách nhiệm đáng kể hoặc có khả năng gây ra hoặc đe dọa gây ra Thay đổi bất lợi đáng kể.

ĐIỀU 12. XỬ LÝ VI PHẠM

- 12.1. Trường hợp một Bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ, trách nhiệm, cam đoan, bảo đảm và cam kết nào của mình trong Hợp đồng này thì Bên vi phạm sẽ bồi thường cho Bên bị vi phạm toàn bộ thiệt hại, tổn thất do hành vi vi phạm Hợp đồng của Bên vi phạm gây ra theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trong trường hợp quy định tại Điều 13.2.c của Hợp đồng này.
- 12.2. Quy định tại Điều 12.1 trên đây không áp dụng trong trường hợp việc vi phạm là do sự kiện bất khả kháng hoặc thực hiện theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà Các Bên không thể biết được vào thời điểm ký Hợp đồng.

ĐIỀU 13. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- 13.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ Ngày ký kết.
- 13.2. Hợp đồng này chấm dứt trong những trường hợp sau:
 - a. Các Bên đã hoàn thành toàn bộ các thủ tục sáp nhập theo quy định của Hợp đồng này, Phương án sáp nhập và Kế hoạch sáp nhập chi tiết;
 - b. Theo thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên về việc chấm dứt Hợp đồng;
 - c. Theo yêu cầu của một Bên nếu các điều kiện cho Giao dịch sáp nhập quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này không đáp ứng toàn bộ trong thời hạn 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ Ngày ký kết do việc vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm, cam kết, cam đoan và bảo đảm của Bên còn lại theo Hợp đồng này, trừ trường hợp tại Điều 12.2 của Hợp đồng này. Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng phải thông báo bằng văn bản cho Bên vi phạm ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày dự kiến đơn phương chấm dứt Hợp đồng;
 - d. Một hoặc Các Bên bị giải thể, phá sản theo quy định pháp luật;
 - e. Các Bên không hoàn thành Giao dịch sáp nhập trong thời hạn thực hiện sáp nhập và thời gian gia hạn (nếu có) được quy định tại Điều 4.3 của Hợp đồng này;
 - f. Giao dịch sáp nhập không thể thực hiện được do quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- 13.3. Trong trường hợp Hợp đồng này bị chấm dứt theo các quy định nêu trên, ngoại trừ việc một Bên yêu cầu chấm dứt theo quy định tại Điều 13.2.c của Hợp đồng này, mỗi Bên sẽ tự chịu tất cả các chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp đồng này.
- 13.4. Trong trường hợp Hợp đồng này bị một Bên chấm dứt theo quy định tại Điều 13.2.c thì Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường cho Bên kia bất kỳ khoản tổn thất, thiệt hại nào do hành vi vi phạm Hợp đồng của mình hoặc người đại diện của mình gây ra bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các khoản chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp đồng này. Bên vi phạm có trách nhiệm thanh toán khoản bồi thường cho Bên bị vi phạm trong thời hạn 10 (mười) Ngày làm việc kể từ ngày Bên bị vi phạm yêu cầu.

ĐIỀU 14. BẢO MẬT

- 14.1. Thông tin bảo mật ("**Thông tin bảo mật**") là tất cả thông tin, tài liệu do bên cung cấp thông tin ("**Bên cung cấp thông tin**"), cán bộ, nhân viên, người đại diện hoặc nhà tư vấn của Bên cung cấp thông tin cung cấp cho bên nhận thông tin ("**Bên nhận thông tin**"), được cung cấp bằng văn bản hoặc lời nói trước hay sau Ngày ký kết, ngoại trừ các thông tin sau đây:
- a. thông tin, tài liệu được cung cấp cho Bên nhận thông tin trên cơ sở không bảo mật bởi một tổ chức, cá nhân mà tổ chức, cá nhân đó không bị ràng buộc bởi bất kỳ nghĩa vụ bảo mật thông tin nào đối với Bên cung cấp thông tin;
 - b. thông tin, tài liệu được công bố công khai, trừ trường hợp việc công bố đó là hậu quả của việc Bên nhận thông tin vi phạm nghĩa vụ bảo mật quy định tại Hợp đồng này;
 - c. thông tin, tài liệu được Bên nhận thông tin tạo ra mà không sử dụng bất kỳ Thông tin bảo mật nào;
 - d. Phương án sáp nhập và Hợp đồng này;
 - e. các thông tin, tài liệu khác mà Bên A và Bên B phải công bố theo quy định của pháp luật.
- 14.2. Bên nhận thông tin cam kết rằng, trừ trường hợp có sự chấp thuận của Bên cung cấp thông tin hoặc có yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật:
- a. Bên nhận thông tin cam kết không công bố hoặc tiết lộ bất kỳ Thông tin bảo mật nào cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào ngoại trừ những người được Bên nhận thông tin chỉ định để thực hiện Giao dịch sáp nhập với điều kiện là những người đó phải được thông báo về nghĩa vụ bảo mật theo quy định tại Hợp đồng này và phải chịu ràng buộc bởi nghĩa vụ đó; và
 - b. Bên nhận thông tin cam kết không sử dụng Thông tin bảo mật vào bất kỳ mục đích nào khác ngoài việc thực hiện Giao dịch sáp nhập.

- 14.3. Mỗi Bên bảo đảm rằng Bên đó, các công ty con của Bên đó (nếu có), cán bộ, nhân viên, người đại diện hoặc nhà tư vấn của Bên đó và của các công ty con của Bên đó (nếu có), sẽ không công bố hoặc tiết lộ các Thông tin bảo mật nếu không có chấp thuận trước bằng văn bản của Bên còn lại, ngoại trừ các công bố thông tin phải được thực hiện theo quy định của pháp luật sau khi tham vấn ý kiến của Bên kia về việc công bố thông tin đó.
- 14.4. Mỗi Bên công nhận rằng mình sẽ chịu trách nhiệm về bất kỳ vi phạm nào của Bên đó hoặc các công ty con của Bên đó (nếu có), cán bộ, nhân viên, người đại diện hoặc nhà tư vấn của Bên đó và của các công ty con của Bên đó (nếu có) đối với các nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 15. THÔNG BÁO

- 15.1. Bất kỳ yêu cầu, thông báo và các thông tin khác được trao đổi giữa các Bên liên quan đến Hợp đồng này sẽ phải được lập thành văn bản.
- 15.2. Thông báo sẽ được gửi bằng phương thức giao trực tiếp, qua dịch vụ chuyển phát, email hoặc fax. Thông báo được coi là đã nhận được (i) vào thời điểm chuyển giao, nếu giao trực tiếp hoặc qua dịch vụ chuyển phát hoặc (ii) vào thời điểm gửi email nếu được gửi bằng email và người gửi không nhận được thông báo gửi email không thành công hoặc (iii) vào thời điểm truyền tới người nhận nếu được chuyển bằng fax. Tuy nhiên, nếu thông báo được nhận vào ngoài thời gian làm việc bình thường của người nhận thông báo, thông báo sẽ được coi như được nhận vào đầu giờ làm việc thông thường của người nhận trong Ngày làm việc tiếp theo.
- 15.3. Thông báo phải được gửi cho Các Bên tới các địa chỉ tương ứng ghi dưới đây (hoặc tới địa chỉ khác ghi trong thông báo của một Bên được gửi theo quy định tại Điều 15.4):

Gửi cho Bên A:

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA TIỀN SƠN

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0222.3839396

Fax: 0222.3838917

Email: ...

Người liên hệ: ... – Chức vụ: ...

Gửi cho Bên B:

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA THĂNG LONG

Địa chỉ: Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại: 024.35811895

Fax: 024.35811895

Email: ...

Người liên hệ: ... – Chức vụ: ...

- 15.4. Trong trường hợp có sự thay đổi về thông tin nhận thông báo tại Điều này, Bên có sự thay đổi sẽ cập nhật cho Bên còn lại bằng văn bản trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi.

ĐIỀU 16. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

16.1. Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích bởi pháp luật Việt Nam.

16.2. Tất cả và bất kỳ mâu thuẫn, tranh chấp hoặc bất đồng (nếu có) giữa Các Bên sẽ được giải quyết bằng việc thương lượng. Trường hợp không giải quyết được mâu thuẫn, tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày phát sinh, bất kỳ Bên nào cũng có quyền đưa vụ việc ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

ĐIỀU 17. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

17.1. Toàn bộ thỏa thuận

Hợp đồng này và tất cả các Phụ lục kèm theo, các bản sửa đổi, bổ sung tạo thành toàn bộ thỏa thuận giữa Các Bên liên quan tới các vấn đề được quy định tại Hợp đồng này và thay thế cho toàn bộ các thỏa thuận, đàm phán, liên lạc và trao đổi trước đây giữa Các Bên về các nội dung quy định tại Hợp đồng.

17.2. Tình có thể tách rời

Nếu một hay nhiều quy định của Hợp đồng này bị cho là vô hiệu hoặc không thể thi hành theo pháp luật Việt Nam, Các Bên đồng ý thương thảo lại (các) quy định đó trên cơ sở thiện chí. Trong trường hợp Các Bên không thể đạt được một thỏa thuận thay thế quy định vô hiệu hay không thể thi hành đó, thì:

- a. quy định đó sẽ bị loại bỏ khỏi Hợp đồng này,
- b. phần còn lại của Hợp đồng này sẽ được giải thích như thể là không có quy định bị vô hiệu hay không thể thực hiện được đó, và
- c. phần còn lại của Hợp đồng này sẽ vẫn có giá trị pháp lý và có thể thi hành theo các điều khoản của Hợp đồng này.

17.3. Chuyển nhượng

Không Bên nào được phép chuyển nhượng, chuyển giao hoặc thực hiện hình thức định đoạt khác đối với bất kỳ phần nào hoặc toàn bộ Hợp đồng này hoặc bất kỳ quyền lợi hoặc lợi ích nào phát sinh từ Hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nếu không có sự đồng ý trước của Bên còn lại của Hợp đồng này.

17.4. Không từ bỏ quyền

Việc bất kỳ bên nào không thực hiện hoặc chậm thực hiện bất kỳ quyền nào theo Hợp đồng này sẽ không được xem là sự từ bỏ các quyền đó. Việc thực hiện đơn lẻ hoặc một phần bất kỳ quyền nào theo Hợp đồng này sẽ không cản trở việc thực hiện các quyền khác theo Hợp đồng này.

17.5. Biện pháp khắc phục

Các quyền và biện pháp khắc phục được quy định rõ trong Hợp đồng này có thể được thực hiện cùng lúc hoặc tại các thời điểm khác nhau và theo mức độ thường xuyên xét thấy phù hợp tùy theo quyết định của bên có quyền, và không loại trừ bất kỳ quyền và biện pháp khắc phục nào theo quy định của pháp luật Việt Nam.

17.6. Phụ lục và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

- a. Các Phụ lục đính kèm của Hợp đồng này được các bên lập tại từng thời điểm sẽ là một phần không tách rời của Hợp đồng này.
- b. Hợp đồng này và bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này chỉ được sửa đổi nếu được lập thành văn bản và được ký, phê duyệt hợp lệ bởi Các Bên tham gia Hợp đồng này.

17.7. Hợp tác

Từng Bên của Hợp đồng này sẽ thực hiện các hoạt động cần thiết, trong khả năng, thẩm quyền và năng lực của mình, và thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện ý định của Hợp đồng này và cho mục đích của Hợp đồng này. Không Bên nào được thực hiện các hoạt động không phù hợp với quy định của Hợp đồng này.

17.8. Mỗi Bên sẽ tự chịu trách nhiệm và chi phí phát sinh của Bên mình liên quan đến Hợp đồng này và các giao dịch liên quan đến Hợp đồng này.

17.9. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên sẽ giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

ĐỂ LÀM BẰNG CHỨNG, mỗi Bên tham gia Hợp đồng này, thông qua người đại diện có thẩm quyền của mình, đã ký Hợp đồng này vào ngày tháng được ghi ở trang đầu tiên.

ĐẠI DIỆN CHO
CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA
TIỀN SƠN

ĐẠI DIỆN CHO
CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA
THĂNG LONG

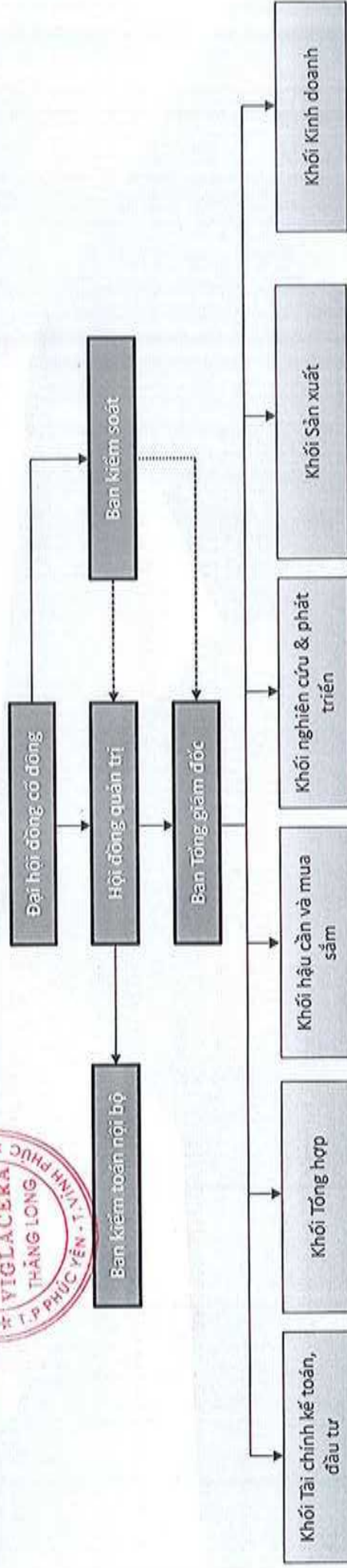
Họ và tên: **Đoàn Hải Mậu**
Chức vụ: Giám đốc

Họ và tên: **Lê Tiến Dũng**
Chức vụ: Giám đốc



1. MÔ HÌNH MỤC TIÊU

VIT – MÔ HÌNH MỤC TIÊU SAU TÁI CƠ CẤU THEO NQ SỐ 214/TC-T-HĐQT



- Phòng tài chính kế toán
- Phòng kế hoạch đầu tư
- Phòng mua sắm vật tư
- Phòng logistics
- Phòng hành chính nhân sự
- Phòng R&D công nghệ và sản phẩm
- Phòng Quản lý thiết bị
- Giám đốc các nhà máy
- Phòng Marketing
- Phòng điều phối
- Phòng kinh doanh nội địa
- - Kênh hệ thống
- - Kênh bán lẻ
- Phòng kinh doanh xuất khẩu
- Phòng dự án

NM Tiên Sơn	NM Yên Phong
NM Thái Bình	NM Hải Dương
NM Mỹ Đức	NM Thăng Long
NM Eurotile	

Mô hình nhà máy

- Ban kinh tế
- Ban tổ chức
- Ban kỹ thuật
- Ban KCS
- Phân xưởng sản xuất
- Phân xưởng cơ điện



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

=====

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA TIÊN SƠN
(MCK : VIT)

Căn cứ

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Vào ngày ... tháng ... năm 2025, chúng tôi – những cổ đông Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn đã nhất trí thông qua nội dung và cùng cam kết thực hiện những quy định theo Bản Điều lệ này.

Tiên Sơn, ngày tháng năm 2025



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn (dưới đây gọi là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty Cổ phần, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp và theo Quyết định số: 1309/QĐ-BXD ngày 18/04/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Granite Viglacera Tiên Sơn thuộc Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng thành Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn.

Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày ... tháng ... năm 2025.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.
 - b. Luật Doanh nghiệp có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
 - c. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - d. Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - e. Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 - f. Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - g. "Cán bộ quản lý" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
 - h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - i. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - j. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - k. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

1. Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 1 điều 54 và điều 55 của Điều lệ này.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên Công ty:
 - Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn
 - Tên tiếng Anh: Viglacera Tien Son Joint Stock Company
 - Tên giao dịch: Viglacera Tien Son Joint Stock Company
 - Tên viết tắt: VIT
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ trụ sở chính: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh.
 - Điện thoại: 0222 3839390
 - Fax: 0222 368 9189
 - E-mail: viglaceratienson@vnn.vn
 - Website: viglaceratienson.com
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 55 và Điều 2 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật doanh nghiệp.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4: Mục tiêu hoạt động của Công ty.

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất và mua bán các sản phẩm gạch ốp lát Granite, Ceramic và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Hoàn thiện và trang trí các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Tư vấn, thiết kế, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và tiêu dùng;
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên vật liệu xây dựng, - Đầu tư liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước;
- Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ, chứng khoán và bất động sản;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Mục tiêu của Công ty là huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh, thu lợi nhuận tối đa, tạo công việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.

1. Vốn điều lệ của Công ty là vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2025. Cơ cấu vốn điều lệ được ghi nhận theo kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần của Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long và Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông mới dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả có phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7: Chứng nhận cổ phiếu.

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam, trong thời hạn một (01) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu lần đầu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký màu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.
5. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.
7. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam mà chuyển nhượng một số cổ phần thì chứng nhận cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành chứng nhận cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

8. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 10: Thu hồi cổ phần.

1. Trường hợp cổ đông hoặc người có quyền mua cổ phần không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông hoặc người đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu tại khoản 1 Điều này phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại khoản 2 Điều này không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này theo quyết định của đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty, được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông hoặc người nắm giữ cổ phần bị thu hồi không được công nhận tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất tiền vay của Ngân hàng thương mại tại thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị, kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 11. Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông: Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình và Công ty phải mua lại cổ phần đó theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty: Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

a. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong thời hạn 12 (mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của Công ty và tuân theo các quy định của pháp luật doanh nghiệp và chứng khoán hiện hành.

4. Cổ phần được mua lại được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 12: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông.
- b. Hội đồng quản trị.
- c. Giám đốc.
- d. Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13: Quyền của cổ đông.

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo Số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều 13 Điều lệ này; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức theo mức quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ của mình cho người khác, trừ trường hợp trong phương án chào bán cổ phần do ĐHĐCĐ thông qua có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần và quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Được quyền ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nếu đạt đủ tiêu chuẩn ứng cử theo quy định;
 - f. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông ưu đãi khác theo quy định của pháp luật;
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 11 Điều lệ này và Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;
 - j. Có thể ủy quyền cho người khác đại diện thay mình tham gia các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông với những điều kiện quy định tại Điều 17 Điều lệ này;
 - k. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - l. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - m. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - n. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam, các báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau :

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua.

3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ số vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại điều khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã rút và các thiệt hại xảy ra.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc cổ đông không nhận được Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông đối với những trường hợp cổ đông không cung cấp địa chỉ chính xác, không thông báo khi có sự thay đổi địa chỉ thường trú và Công ty có xác nhận bằng văn bản của đơn vị cung cấp dịch vụ chuyển thư về việc Thông báo mời họp sẽ không gửi được đến địa chỉ mà cổ đông đã cung cấp.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

7. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15: Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của mình bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo các quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp trong Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;

c. Khi số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập tại cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e Khoản 4 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 5 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm d Khoản 4 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Điều 16: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

Chuyển xuống điểm c, điểm d khoản 2 Điều 16 cột (2)

- b. Thông qua kế hoạch, định hướng phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty
- c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- g. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- h. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- i. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- k. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- l. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- n. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- g. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h. Phê duyệt danh sách Tổ chức kiểm toán được chấp thuận; quyết định Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- j. Tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- p. Ngoài trường hợp thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 38 Điều lệ này Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất;
- r. Ngoài trường hợp thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 38 Điều lệ này, chấp thuận các giao dịch khác được quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t. Loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền;
- u. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải do cổ đông cử theo quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

5. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 18: Thay đổi các quyền.

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán hành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc tổ chức một cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có

tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp sẽ tổ chức lại trong vòng 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 19: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 15 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

c. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

d. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

f. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

g. Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 4 Điều 13 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần của Cổ đông, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị tại Khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trở lên;
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 20: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trong vòng 60 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, trường hợp cuộc họp không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ 2 được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng sáu mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của Điều lệ này.

Điều 21: Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông dự họp, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định.

Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp nhưng không quá ba người

3. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử.

4. Cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai vẫn được đăng ký và có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị thay đổi.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu ra theo nguyên tắc đa số sẽ làm chủ tọa. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Trong trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Chủ tọa đề cử một hoặc một số người làm thư ký để lập biên bản đại hội.

Trường hợp phải bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

6. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

7. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội đồng cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu đăng ký dự họp cần thiết mà không cần lấy ý kiến của đại hội và chỉ được hoãn đến một thời điểm khác hoặc tại một địa điểm khác nếu nhận thấy rằng:

- a. Các thành viên tham dự không có đủ chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;
- b. Hành vi của những người có mặt cản trở, làm mất trật tự hoặc có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
- c. Sự trì hoãn là cần thiết để các phương tiện thông tin tại địa điểm bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày làm việc kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành..

9. Chủ tọa hoặc Thư ký cuộc họp đại hội đồng cổ đông có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số người tham dự.

10. Hội đồng quản trị hoặc chủ tọa cuộc họp có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

11. Hội đồng quản trị hoặc chủ tọa cuộc họp, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:

- a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị hoặc chủ tọa cuộc họp có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

12. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị hoặc chủ tọa cuộc họp khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (Địa điểm chính của đại hội);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

13. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

14. Hàng năm Công ty phải tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Điều 22: Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này và khoản 1 Điều 18, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự họp trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền.

Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.

- a. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty.

Bầu, bãi miễn thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại, Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh, Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, dự án đầu tư hoặc giao dịch, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành

Điều 23: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông; Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 Luật doanh nghiệp.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp thư gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và của người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

Điều 24: Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ý biên bản họp.

2. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có được áp dụng.

4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn giờ (24) giờ kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật doanh nghiệp.

5. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông kèm theo phụ lục đính kèm khác (nếu có) đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành và biểu quyết của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản.

6. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 25: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 26. Hiệu lực các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết, quyết định đó.

2. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định đó không được thực hiện đúng như quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này, thì các nghị quyết, quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây :

- a. Họ, tên, ngày, tháng năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
- g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa đủ số thành viên cần bầu.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 28: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty cần hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị

a. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

b. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

c. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

d. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định sau:

a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; Thành viên

đó vắng mặt không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Thành viên đó bị thay thế, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm số lượng theo quy định tại khoản 2 Điều này;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

7. Thành viên hội đồng quản trị của công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty khác.

Điều 29: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc hoặc và quyết định mức lương của họ;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

f. Đề xuất các loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

g. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

- h. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - i. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - j. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - k. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - l. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - m. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - n. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - o. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138, khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và khoản 4, khoản 5 Điều 38 của Điều lệ này phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mướm công ty và liên doanh);
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 38 của Điều lệ này phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;
 - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% vốn điều lệ hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm ngoại trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 16 của Điều lệ này;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần; tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong thời hạn 12 (mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị (và số tiền thù lao cho từng thành viên) phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch) hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tam giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế, hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi miễn hoặc thay thế vì bất kỳ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế.

Điều 31: Thành viên hội đồng quản trị thay thế.

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không phải người được ủy nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc một người được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.

2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định anh ta là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chỉ định anh ta không có mặt, và được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.

3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định anh ta không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên có được tái bổ nhiệm.

4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.

Điều 32: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỉ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Giám đốc hoặc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý khác;
- b. Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- d. Ban kiểm soát;
- d. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty, những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

9. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa ($1/2$) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Biểu quyết:

a. Trừ quy định tại điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 38 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

12. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp Hội đồng quản trị đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người có liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên

13. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt và có quyền biểu quyết (trên 50%), trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 35 của Điều lệ này. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chủ tọa cuộc họp sẽ là lá phiếu quyết định.

14. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại , hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

15. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

16. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm lập biên bản họp Hội đồng quản trị theo Điều 158 Luật Doanh nghiệp và gửi cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký ít nhất của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

17. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

CHƯƠNG VIII

GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 33: Tổ chức bộ máy quản lý.

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc, một số Phó giám đốc và một kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc và các Phó giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 34: Cán bộ quản lý.

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý với số lượng và tiêu chuẩn cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 35: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Giám đốc là 5 năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý. Giám đốc Công ty được quyền bổ nhiệm các chức danh từ Trưởng phòng hoặc tương đương trở xuống và báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị trước khi quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm;

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật;

j. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

k. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Giám đốc) và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế. Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Điều 36: Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty.

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo khoản 3 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

2. Khi xét thấy cần thiết Hội đồng quản trị có thể chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Hỗ trợ tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

b. Ghi chép biên bản các cuộc họp;

- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
- e. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- f. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- g. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.

CHƯƠNG VIX

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 37: Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ căn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 38: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

4. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý và người có liên quan của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vị thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ 20% trở xuống hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, trừ những giao dịch quy định tại điểm b khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch quy định tại điểm b khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn;

d. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;

e. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 39: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành, cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X BAN KIỂM SOÁT

Điều 40 : Ứng cử, đề cử thành viên ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.

2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa đủ số thành viên cần bầu.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 41: Thành phần Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên Ban Kiểm Soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 3 năm liền trước đó; không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác.

2. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm; thành viên Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Trưởng ban kiểm soát có quyền và trách nhiệm sau đây:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này;
 - d. Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 42: Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát.

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này và các quyền hạn, nghĩa vụ sau đây:
- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
 - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
 - g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
 - i. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - j. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - k. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

l. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

m. Ban hành Quy chế hoạt động Ban kiểm soát sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông và bản sao các biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và phương thức chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị và cổ đông.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

4. Mức thù lao, tiền lương và lợi ích khác của các thành viên ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.

1. Cổ đông phổ thông có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 3 Điều 27 và khoản 2 Điều 40 của Điều lệ này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

c. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính của Công ty.

4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản sao Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44: Công nhân viên và công đoàn.

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 45: Phân chia lợi nhuận.

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày chốt danh sách này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.
8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

SỬ DỤNG THƯƠNG HIỆU VÀ LOGO VIGLACERA

Điều 46: Sử dụng thương hiệu và logo.

Công ty sử dụng thương hiệu và logo của Tổng công ty Viglacera - CTCP theo hợp đồng.

CHƯƠNG XV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47: Tài khoản ngân hàng.

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48: Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm đó.

Điều 49: Chế độ kế toán.

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XVI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50: Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý.

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 52 của Điều lệ này. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền

2. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán hợp nhất về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét theo các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website của công ty.

5. Các cổ đông quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 51: Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVII KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52: Kiểm toán.

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Báo cáo kiểm toán sẽ phải được đính kèm với báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVIII CON DẤU

Điều 53: Con dấu.

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị sẽ quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có) và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIX CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 54: Chấm dứt hoạt động.

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 56: Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (1) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- a. Các khoản vay (nếu có);
- b. Các khoản nợ khác của Công ty;

Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước

CHƯƠNG XX
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57: Giải quyết tranh chấp nội bộ.

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác, các quy định hành chính quy định hoặc thỏa thuận giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

2. Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu bên thứ ba hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

3. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế

4. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XXI BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 59: Hiệu lực thi hành.

1. Bản điều lệ này gồm 22 chương 59 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Viglacera Tiên Sơn nhất trí thông qua ngày ... tháng năm 2025 tại Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Giám đốc Công ty.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ